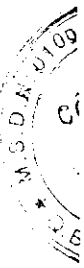


BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

Hà Nội, tháng 3 năm 2016



MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	3
1. Thông tin khái quát	3
2. Lịch sử hình thành và phát triển	3
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	6
4. Mô hình quản trị, cơ cấu bộ máy quản lý	6
5. Định hướng phát triển	7
6. Các rủi ro	7
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2015	8
1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc về tình hình kinh doanh và tình hình tài chính	8
2. Tình hình hoạt động của các công ty con	10
3. Quan hệ cổ đông	12
4. Tổ chức và nhân sự	15
5. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của công ty	18
III. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP	19
1. Hội đồng quản trị	19
2. Ban kiểm soát	21
IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN	

I - THÔNG TIN CHUNG

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần PVI**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100151161
- Vốn điều lệ: 2.342 tỷ đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 6.734 tỷ đồng
- Địa chỉ: 154 Nguyễn Thái Học, phường Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội
- Số điện thoại: (84-4) 37342299
- Số fax: (84-4) 37342929
- Website: www.pvi.com.vn
- Mã cổ phiếu: PVI

2. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Thành lập năm 1996, Công ty Bảo hiểm Dầu khí (PVI) phát triển từ một công ty bảo hiểm thuộc Tổng công ty Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam - PVN) trở thành nhà bảo hiểm công nghiệp số 1 Việt Nam, dẫn đầu trong các lĩnh vực trọng yếu của thị trường bảo hiểm như Năng lượng (chiếm thị phần tuyệt đối), Hàng hải, Tài sản – Kỹ thuật....

Trong 5 năm đầu thành lập, PVI đã duy trì và củng cố hoạt động của mình với tổng doanh thu đạt 516 tỷ đồng, nộp ngân sách nhà nước trên 48 tỷ đồng và 30 tỷ đồng lợi nhuận, đây là giai đoạn Công ty tập trung gây dựng cơ sở vật chất và đào tạo đội ngũ nhân viên của mình.

Năm 2001, thị trường bảo hiểm có nhiều biến động lớn, hàng loạt các biến động lớn do thiên tai, khủng bố, khủng hoảng kinh tế khu vực... Với bản lĩnh và chiến lược kinh doanh hợp lý, PVI đã khẳng định được vị thế của mình: doanh thu đạt 187 tỷ đồng tăng 167% so với năm 2000, các nhà bảo hiểm và môi giới Quốc tế nhìn nhận vai trò chủ đạo của PVI trên thị trường bảo hiểm năng lượng Việt Nam. Điển hình là việc PVI đã thu xếp bảo hiểm an toàn, cấp đơn bảo hiểm đạt tiêu chuẩn quốc tế cho tài sản, hoạt động của Xi nghiệp liên doanh dầu khí Vietsopetro. Năm 2002, PVI đã tận dụng lợi thế thương hiệu và năng lực tài chính của mình để vươn lên thống lĩnh thị trường ở lĩnh vực bảo hiểm hàng hải và xây dựng lắp đặt.

Từ năm 2005, PVI đã có những bước trưởng thành quan trọng về cung cấp dịch vụ bảo hiểm cho các dự án dầu khí lớn tại nước ngoài và tăng cường nhận tái bảo hiểm từ Triều Tiên, Trung Quốc... Từ đó PVI thành lập các chi nhánh khu vực và phát triển mạng lưới đại lý chuyên nghiệp trên khắp các tỉnh thành trong cả nước. Việc xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001:2000 từ năm 2002 đến nay đã giúp kiểm soát chặt chẽ quy trình cấp đơn bảo hiểm và kiểm soát nội bộ đảm bảo chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

Năm 2006, PVI đã đánh dấu chặng đường 10 năm hình thành và phát triển bằng sự kiện đạt doanh thu 1.000 tỷ vào ngày 26/9/2006 cùng với việc vốn và tài sản được nâng lên đáng kể. Đây là năm quan trọng trong quá trình xây dựng và phát triển thương hiệu Bảo hiểm Dầu khí – PVI và là năm thứ 6 liên tiếp hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kế hoạch do Tập đoàn giao với tổng doanh thu đạt 1.304 tỷ đồng, nộp ngân sách nhà nước 105 tỷ đồng, lợi nhuận đạt trên 60 tỷ đồng... Tháng 9/2006, Bộ Công nghiệp và Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đã có Quyết định cổ phần hóa PVI với mục tiêu tăng cường năng lực cạnh tranh và xây dựng PVI trở thành một Tổng công ty cổ phần mạnh trong định chế Bảo hiểm - Tài chính của Tập đoàn. Ngày 12/4/2007 là ngày Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam chính thức ra mắt, đánh dấu sự chuyển mình cho những thành công rực rỡ tiếp theo.

Năm 2007 là năm đầu tiên PVI chuyển đổi hoạt động từ doanh nghiệp nhà nước sang mô hình Tổng công ty cổ phần hoạt động theo Luật doanh nghiệp. Tuy nhiên PVI đã thể hiện bản lĩnh vững vàng thể hiện qua việc thích ứng nhanh chóng với cơ chế quản lý mới, doanh thu đạt 1.997 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 250 tỷ đồng.

Năm 2008, mặc dù phải đối mặt với rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn thế giới, tuy nhiên bằng nhiệt huyết và sự sáng tạo, PVI đã vượt qua khó khăn với mức doanh thu đạt 2.694 tỷ đồng, làm tiền đề cho mốc ấn tượng 3.000 tỷ đồng vào tháng 12/2009.

Năm 2009, PVI đã chinh phục cột mốc 3.000 tỷ đồng vào giữa tháng 11. Kết thúc năm 2009, vượt qua mọi khó khăn từ cuộc khủng hoảng kinh tế, PVI vẫn đạt được mức doanh thu ấn tượng là 3.566 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 220 tỷ đồng, đóng góp cho ngân sách nhà nước 240 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng doanh thu là 30,5% so với năm 2008, hoàn thành vượt mức kế hoạch Tập đoàn giao là 118,6%. Tốc độ tăng trưởng doanh thu bảo hiểm gốc cũng đạt tận 37,1%, đồng thời là doanh nghiệp có tốc độ tăng trưởng cao nhất thị trường bảo hiểm Việt Nam.

Năm 2010, khi cơn bão khủng hoảng kinh tế toàn cầu dần qua đi, nền kinh tế Việt Nam đã có sự phục hồi nhanh chóng khi GDP đạt mức (6,78%) cao hơn so với kế hoạch (6,5%), nguồn vốn đầu tư toàn xã hội năm đã đạt được những kết quả tích cực. Đây cũng là thời điểm thị trường bảo hiểm phi nhân thọ tăng trưởng mạnh với tổng doanh thu 17.072 tỷ đồng, tăng trưởng 25% so với năm 2009.

Năm 2011 ghi một dấu mốc đặc biệt trong lịch sử phát triển của PVI Holdings: Đạt doanh thu cao nhất từ trước đến nay, tái cấu trúc thành công hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con và được đón nhận danh hiệu Anh hùng Lao động... Lần đầu tiên, PVI đã đạt doanh thu trên 5.200 tỷ đồng, tăng trưởng trên 15% so với năm 2010. Năm 2011, PVI nộp ngân sách nhà nước trên 440 tỷ đồng, tăng 47% so với năm trước. PVI tiếp tục được xem là nhà bảo hiểm công nghiệp hàng đầu tại thị trường bảo hiểm Việt Nam và duy trì tốc độ phát triển cao nhất, vượt xa các công ty bảo hiểm khác trên thị trường.

Năm 2011 là năm thứ 2 liên tiếp PVI được A.M Best xếp hạng năng lực tài chính ở mức B+ (Tốt) và World Finance trao giải thưởng Doanh nghiệp Bảo hiểm tiêu biểu của Việt Nam. Tổng công ty Bảo hiểm PVI là công ty con của PVI, ngay sau khi PVI tái cấu trúc, cũng được xếp hạng năng lực tài chính ở mức B+ (Tốt) bởi A.M Best.

Năm 2012, Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life do PVI sở hữu 51% vốn điều lệ được thành lập với mục tiêu trở thành Doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ Việt Nam. Như vậy PVI là doanh nghiệp đầu tiên của Việt Nam có các đơn vị thành viên hoạt động trên cả 3 lĩnh vực bảo hiểm: phi nhân thọ, nhân thọ và tái bảo hiểm.

Cũng trong năm 2012, PVI tăng vốn điều lệ lên 2.342 tỷ đồng thông qua hoạt động phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông chiến lược hiện hữu Tập đoàn Talanx (Đức).

Năm 2013, Công ty Tái bảo hiểm PVI (PVI Re) đã hoàn thành chuyển đổi sang mô hình công ty cổ phần, trở thành Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI. PVI Re có vốn điều lệ 668 tỷ đồng, trong đó 68,86% vốn thuộc về PVI.

PVI đã vinh dự được Đảng và Nhà nước trao tặng phần thưởng cao quý Huân chương Độc lập Hạng Ba trong năm 2013.

Năm 2014, lần đầu tiên Bảo hiểm PVI giữ vị trí số 1 thị trường bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam trong suốt năm. Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life cũng giữ vị trí số 1 thị trường bảo hiểm nhân thọ về Hưu trí tự nguyện trong năm 2014 kể từ khi ra mắt sản phẩm này vào tháng 4/2014.

Các kết quả trên cùng sự kiện khánh thành Tòa nhà PVI đánh dấu những bước phát triển mới của PVI, khẳng định tầm vóc của một Định chế Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu Việt Nam.

Năm 2015: PVI hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch do ĐHCĐ giao và đạt được nhiều kết quả ấn tượng: Công ty mẹ tiếp tục thực hiện tái cấu trúc theo chiều sâu theo các chuẩn mực quốc tế, thực sự đóng vai trò kiến tạo và điều hành chiến lược phát triển toàn bộ hệ thống PVI. PVI Insurance năm thứ hai liên tiếp giữ vị trí giữ vị trí số 1 trên thị trường. PVI Re kinh doanh hiệu quả, đang khẳng định vai trò dẫn dắt thị trường tái bảo hiểm. PVI Sun Life tiếp tục giữ vị trí số 1 thị trường bảo hiểm nhân thọ về sản phẩm bảo

hiểm hưu trí tự nguyện. PVI AM thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ quản lý tài sản và danh mục đầu tư cho toàn hệ thống.

3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

– Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty mẹ và các công ty con:

- Hoạt động nắm giữ tài sản
- Kinh doanh bảo hiểm và tái bảo hiểm
- Hoạt động dịch vụ Tài chính
- Kinh doanh bất động sản

– Địa bàn kinh doanh: Hoạt động trên toàn quốc và các thị trường quốc tế

4. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

4.1. **Mô hình quản trị và Sơ đồ tổ chức:** *Phụ lục 01 đính kèm theo đây.*

4.2. **Thông tin cơ bản về các công ty con**

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu của PVI Holdings (31/12/2015)
1	Tổng công ty Bảo hiểm PVI	Tầng 24 Tòa nhà PVI Tower, Lô VP2 Yên Hòa, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	Bảo hiểm phi nhân thọ	2.100 tỷ đồng	100%
2	Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Tầng 25 Tòa nhà PVI Tower, Lô VP2 Yên Hòa, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	Tái bảo hiểm	668 tỷ đồng	68,86%
3	Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ PVI Sun Life	Tầng 29 Vietcombank Tower, số 5 Công trường Mê Linh, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Bảo hiểm nhân thọ	1.200 tỷ đồng	25%
4	Công ty cổ phần Quản lý quỹ PVI	Tầng 25 Tòa nhà PVI Tower, Lô VP2 Yên Hòa, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	Quản lý quỹ đầu tư và danh mục chứng khoán; Tư vấn đầu tư	50 tỷ đồng	35%

5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

❖ Tầm nhìn chiến lược:

Xây dựng và phát triển PVI trở thành một định chế Tài chính – Bảo hiểm vững mạnh chuyên nghiệp trên thị trường Việt Nam, có thương hiệu quốc tế uy tín, chất lượng dịch vụ hàng đầu và duy trì sự phát triển bền vững.

❖ Chiến lược phát triển trung hạn:

- Xây dựng PVI trở thành một định chế Tài chính – Bảo hiểm mạnh, có năng lực cạnh tranh trong nước và quốc tế, tối ưu hóa việc sử dụng mọi nguồn lực sẵn có, xã hội hóa, thu hút đầu tư trong và ngoài nước.
- Triển khai tái cơ cấu để PVI tiếp tục phát triển mạnh hơn, tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh và phát triển bền vững.
- Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, nâng cao quản trị rủi ro theo tiêu chuẩn quốc tế cho toàn bộ hệ thống nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển.

❖ Mục tiêu 2015:

- Tiếp tục làm tốt vai trò là nhà quản lý rủi ro và cung cấp bảo hiểm cho mọi hoạt động, tài sản, con người trong và ngoài lĩnh vực dầu khí
- Giữ vững vai trò là nhà Bảo hiểm số 1 Việt Nam với mục tiêu phát triển bền vững thông qua việc giữ vững vị trí số 1 và dẫn dắt thị trường bảo hiểm PNT Việt Nam và dẫn đầu về sản phẩm hưu trí tự nguyện trên thị trường Bảo hiểm nhân thọ
- Tập trung tái cơ cấu để phát triển hiệu quả hệ thống theo đúng định hướng chiến lược.
- Nâng cao hiệu quả công tác quản trị đáp ứng theo tiêu chuẩn quốc tế và tăng cường kiểm tra giám sát tính tuân thủ hệ thống.

6. CÁC RỦI RO

- Nền kinh tế vĩ mô: Kinh tế Việt Nam năm 2015 chuyển biến tích cực nhưng chưa ổn định: Tăng trưởng GDP năm 2015 ước đạt 6,68% so với cùng kỳ năm 2014, tuy nhiên quá trình phục hồi này chủ yếu từ tăng trưởng của ngành công nghiệp chế tạo và xây dựng.
- Biến động giá dầu: tiếp tục có xu hướng giảm mạnh. Giá dầu giảm xuống mức thấp kỷ lục trong 7 năm. Những ngày cuối năm 2015, giá dầu thô giảm còn 30 USD/thùng, tương đương giảm 75% so với thời điểm giữa năm 2014. Điều này đã có

ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động của lĩnh vực dầu khí nói chung và làm suy giảm trực tiếp đến doanh thu bảo hiểm công nghiệp truyền thống của PVI.

- Lãi suất huy động: năm 2015, lãi suất ít biến động, nhưng vẫn ở mức thấp từ 5-6%, ảnh hưởng đến việc đẩy mạnh hoạt động đầu tư của hệ thống PVI.
- Thị trường Bảo hiểm Việt Nam: Vấn đề trực lợi bảo hiểm và cạnh tranh không lành mạnh vẫn đang có xu hướng tăng cao, kéo theo tỷ lệ tổn thất tăng lên, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của các Doanh nghiệp Bảo hiểm.

II - TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2015

1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ TÌNH HÌNH KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1.1. Tình hình hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính

1.1.1. Danh sách Ban Tổng giám đốc

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ
1	Bùi Vạn Thuận	Tổng giám đốc	88.188	0,04%
2	Phạm Khắc Dũng	Phó Tổng giám đốc thường trực	0	0%
3	Phùng Tuấn Kiên	Phó Tổng giám đốc	49.793	0,02%
4	Trương Quốc Lâm	Phó Tổng giám đốc	98	0%
5	Nguyễn Ngọc Minh	Phó Tổng giám đốc	0	0%
6	Phạm Anh Đức	Phó Tổng giám đốc	34.238	0,015%
7	Vũ Văn Thắng	Phó Tổng giám đốc	0	0%
8	Trần Duy Cương	Kế toán trưởng	0	0%

1.1.2. Đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh

Kinh tế Việt Nam năm 2015 đã có những chuyển biến tích cực và ổn định: tốc độ tăng trưởng GDP ước đạt 6,68% và động lực cho sự tăng trưởng này là ngành sản xuất công nghiệp với tốc độ tăng trưởng 9,64%...Tuy nhiên nền kinh tế vẫn chưa thực sự phục hồi mạnh mẽ vì còn nhiều khó khăn nội tại và phải đối mặt với sự sụt giảm của giá dầu. Điều này đã ảnh hưởng chung đến hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành Dầu khí và tác động đến PVI khi lĩnh vực bảo hiểm công nghiệp truyền thống bị sụt giảm và gặp nhiều khó khăn.

Xác định rõ những khó khăn, thách thức trên, ngay từ cuối năm 2014, Ban Lãnh đạo PVI đã triển khai các giải pháp để thực hiện thành công kế hoạch kinh doanh 2015.

Bên cạnh đó, vào cuối năm 2015, với việc thực hiện tái cấu trúc PVI Sun Life, PVI đã thực hiện thành công việc chuyển nhượng 26% Vốn điều lệ của PVI Sun Life cho Sun Life Financial, theo đó đã góp phần nâng cao kết quả kinh doanh 2015 của toàn PVI.

1.1.3. Kết quả kinh doanh hợp nhất:

- Tổng doanh thu đạt 9.923 tỷ đồng, hoàn thành 118% kế hoạch năm 2015.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 708 tỷ đồng, hoàn thành 162% kế hoạch năm 2015.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 576 tỷ đồng, hoàn thành 193% kế hoạch năm 2015.

1.1.4. Kết quả kinh doanh Công ty Mẹ

- Tổng doanh thu đạt 983,11 tỷ đồng, hoàn thành 174% kế hoạch năm 2015.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 569,74 tỷ đồng, hoàn thành 248% kế hoạch năm 2015.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 530,05 tỷ đồng, hoàn thành 231% kế hoạch năm 2015.

1.2. Các thành tích tiêu biểu trong năm 2015

- Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2015 và cả giai đoạn 2011-2015 do ĐHCĐ giao.
- Trong lĩnh vực Bảo hiểm phi nhân thọ: Bảo hiểm PVI phát triển bền vững, năm thứ hai liên tiếp giữ vị trí số 1 về doanh thu, thị phần và hiệu quả (chiếm gần 22% thị phần); hệ thống bán lẻ phát triển mạnh (tăng trưởng khoảng 40%).
- Trong lĩnh vực tái bảo hiểm: trở thành nhà tái bảo hiểm hàng đầu Việt Nam, thu xếp các chương trình tái bảo hiểm cho thị trường bảo hiểm Việt Nam.
- Trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ: tiếp tục giữ vị trí số 1 thị trường bảo hiểm nhân thọ về sản phẩm bảo hiểm hưu trí tự nguyện; hoàn thành trước kế hoạch tái cấu trúc một cách hiệu quả, giảm tỷ lệ sở hữu của PVI tại PVI Sun Life xuống 25% theo đúng chiến lược đề ra.
- Thành lập Công ty quản lý quỹ PVI để thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản và danh mục đầu tư.
- Tổ chức thành công Đại hội Đảng bộ các cấp và Đại hội Đảng bộ PVI lần thứ IV nhiệm kỳ 2015-2020; và kỷ niệm 20 năm thành lập PVI.
- Thương hiệu của PVI tiếp tục được các tổ chức trong và ngoài nước đánh giá cao: là 1 trong top 50 doanh nghiệp Việt nam có giá trị nhất do tổ chức Brand Finance xếp

hạng; AM Best duy trì xếp hạng năng lực tài chính ở mức B++ (tốt), và triển vọng nâng hạng năng lực tín dụng được điều chỉnh từ “ổn định” lên “tích cực” cho Bảo hiểm PVI; Tạp chí uy tín Forbes Việt Nam bình chọn PVI là 01 trong 50 công ty niêm yết tốt nhất trên sàn chứng khoán Việt Nam; HNX bình chọn PVI 3 năm liên tiếp là một trong 30 doanh nghiệp minh bạch nhất HNX.

2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY CON

2.1. TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM PVI (BẢO HIỂM PVI)

2.1.1 Hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính trong năm 2015

a. Hoạt động kinh doanh:

- Bảo hiểm PVI đã hoàn thành nhiệm vụ tư vấn quản lý rủi ro cho toàn bộ dự án đầu khí, đáp ứng nhu cầu của khách hàng, đảm bảo an toàn cho toàn bộ hoạt động và tài sản của Tập đoàn dầu khí Việt Nam. Bảo hiểm PVI tiếp tục được các chủ đầu tư, các nhà thầu lựa chọn là nhà bảo hiểm cho các công trình dự án trọng điểm trong nước: các dự án có vốn ngân sách nhà nước như: 10 dự án cảng Lạch Huyện, dự án đầu tư xây dựng công trình QL1 đoạn tránh thành phố Phú Lý, dự án mở rộng nâng cấp QL3 mới đoạn Thái Nguyên chợ mới, dự án BOT QL38 Yên Lệnh, dự án xây dựng cho Khu công nghệ cao tại Hòa Lạc, gói thầu J3 dự án Bến Lức - Long Thành, dự án nhà máy nhiệt điện Duyên Hải 3 mở rộng, gói thầu bảo hiểm toàn bộ hệ thống tiền và tài sản của Ngân hàng Agribank..., và các khách hàng lớn như: Vinamilk, Vin Group, Sun Group,...
- Bảo hiểm PVI cũng đã tập trung triển khai đối tượng khách hàng nước ngoài, các tập đoàn kinh tế Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ...
- Bảo hiểm PVI cũng chú trọng mở rộng địa bàn hoạt động, đồng thời đẩy mạnh chất lượng dịch vụ của hệ thống Đơn vị thành viên thông qua các công việc: thành lập Bảo hiểm PVI Gia Lai, 14 P.KDKV và 11 điểm giao dịch, đưa tổng số công ty thành viên bán lẻ lên 28 đơn vị, 95 P.KDKV trên toàn quốc, tăng cường hiện diện thương mại và làm tiền đề cho việc phát triển đơn vị thành viên mới trong thời gian tới. Thành lập trung tâm chăm sóc khách hàng với đầy đủ các dịch vụ tốt nhất bao gồm bảo hiểm trực tuyến, Contact Center 24/7, trung tâm bảo lãnh viện phí, giám định trực tuyến, phần mềm giám định PVI 24/7 trong việc giám định xe cơ giới. Ngoài ra, hai Văn phòng đại diện chăm sóc khách hàng phía Bắc và phía Nam ra đời là một bước đột phá lớn của Bảo hiểm PVI trong khâu chăm sóc khách hàng.
- Đẩy mạnh khai thác Bảo hiểm tàu cá Nghị định 67 theo hướng dẫn của Bộ Tài chính với tổng giá trị bảo hiểm thân tàu là 582 tỷ đồng; tổng số ngư dân được bảo hiểm: 8.115 ngư dân với tổng số tiền được bảo hiểm là 522 tỷ đồng.

b. Tình hình tài chính:

- Tổng doanh thu năm 2015 đạt 7.823 tỷ đồng, hoàn thành 107% KH, trong đó:
- + Doanh thu BH gốc đạt 6.457 tỷ đồng; hoàn thành 103% kế hoạch năm và tăng trưởng 13% so với năm 2014.
- + Doanh thu TBH đạt 1.019 tỷ đồng, tăng trưởng 21,7%, trong đó doanh thu nhận TBH đạt 677 tỷ đồng, hoàn thành 131% KH và hoa hồng nhượng tái đạt 342 tỷ đồng, hoàn thành 145% KH năm.
- + Doanh thu hoạt động tài chính: đạt 321 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 304 tỷ đồng.

2.2. TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI (PVI RE)

2.2.1. Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2015

- Hoàn thành vượt mức các mục tiêu doanh thu và lợi nhuận: tổng doanh thu đạt 1.955 tỷ đồng (đạt 112% kế hoạch); lợi nhuận trước thuế đạt 154,1 tỷ đồng (đạt 100% kế hoạch).
- Kiện toàn mô hình quản trị doanh nghiệp, cơ cấu tổ chức và cán bộ quản lý, đảm bảo bộ máy vận hành tốt và hiệu quả.
- Chính sách khai thác luôn được chú trọng và điều chỉnh kịp thời để nâng cao và tối đa hóa hiệu quả kinh doanh.
- Công nghệ thông tin được chú trọng phát triển. Hệ thống Quản lý nghiệp vụ được nâng cấp, hỗ trợ tích cực cho công tác quản trị và kinh doanh.

2.3. CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ PVI SUN LIFE

2.3.1. Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2015

- Doanh thu:
Tổng phí bảo hiểm năm 2015 là 810 tỷ đồng đạt 121% kế hoạch, trong đó:
 - + Phí thu từ kênh Đại lý đạt 106 tỷ đồng đạt 65% kế hoạch.
 - + Phí thu từ kênh KHDN là 704 tỷ đồng đạt 140% kế hoạch.
- Lợi nhuận sau thuế: (79) tỷ đồng, đạt kế hoạch lợi nhuận sau thuế của năm 2015.
- Kênh KHDN đạt kết quả kinh doanh tốt trong năm 2015 với 704 tỷ đồng doanh thu phí vượt kế hoạch cả năm 2015 (502 tỷ đồng).
- Nghiệp vụ bảo hiểm đã được cải thiện đáng kể trong năm 2015:

- + Áp dụng các kênh thu phí mới cải thiện tỷ lệ thu phí tái tục.
- + Hệ thống MIS được áp dụng hỗ trợ kênh Đại lý
- + Hoàn thành dự án chuyển giao CNTT
- + Dự án hệ thống Tài khoản (COA) đã được hoàn thành bởi đội ngũ CNTT trong nước và đã được áp dụng theo yêu cầu của BTC.

2.4. CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PVI

Công ty cổ phần Quản lý Quỹ PVI (PVI AM) được thành lập ngày 03/02/2015 theo Giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ số 55/GP-UBCK với vốn điều lệ 50 tỷ đồng, trong đó PVI nắm giữ 35%. Sự ra đời của PVI AM phù hợp với định hướng phát triển của PVI.

- Năm 2015, PVI AM hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh với Doanh thu đạt 21,989 tỷ VND (hoàn thành 103,67% kế hoạch), Lợi nhuận trước thuế đạt 5,044 tỷ VND (hoàn thành 157,13% kế hoạch).
- Hoàn thiện mô hình tổ chức, mô hình quản lý Quỹ.
- Thành lập Quỹ đầu tư cơ hội PVI (POF) với số vốn thực góp đạt 440 tỷ VND, đây là 1 trong 3 quỹ thành viên lớn nhất thị trường.
- Công tác tư vấn và quản lý danh mục đầu tư đạt nhiều kết quả khả quan với tổng tài sản quản lý và tư vấn đạt gần 8.800 tỷ VND và Tòa nhà PVI do PVI AM quản lý đã giành giải “*Dự án văn phòng xuất sắc nhất Việt Nam năm 2015*” tại Giải thưởng Bất động sản Châu Á – Thái Bình Dương 2015-2016 được tổ chức trong khuôn khổ Hội nghị Bất động sản Châu Á - Thái Bình Dương tại Kuala Lumpur (Malaysia);

3. QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

3.1. Cổ phần

STT	Nội dung	Tại ngày 31/12/2015	Ghi chú
1	Vốn điều lệ (đồng)	2.342.418.670.000	
2	Tổng số cổ phiếu	234.241.867	
3	Số lượng cổ phiếu quỹ	11.754.600	
4	Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành	222.487.267	
5	Số lượng cổ phiếu ưu đãi/khác (nếu có)	0	

3.2. Cơ cấu cổ đông (Tại ngày 31/12/2015)

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Ngành nghề hoạt động	Số lượng CP hiện tại	Tỷ lệ sở hữu CP hiện tại
1	Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam (PVN)	18 Láng Hạ, Hà Nội	Dầu khí, Đầu tư	83.149.740	35,50%
2	HDI-Gerling Industrie Versicherung AG (Talanx)	CHLB Đức	Bảo hiểm, Tài chính	74.531.503	31,82%
3	Funderburk Lighthouse Ltd (OIF)	Oman	Quỹ Đầu tư	27.117.895	11,58%
4	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVcomBank)	22 Ngô Quyền, Hà Nội	Ngân hàng, Tài chính	14.593.243	6,23%
5	Khác			34.849.486	14,87%

3.2.1 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm: Không có

3.2.2 Giao dịch cổ phiếu quỹ

Năm 2015, PVI đã thực hiện các giao dịch cổ phiếu quỹ như sau:

- Mua 2.871.900 cổ phiếu quỹ trong thời gian từ 1/4/2015 đến 27/4/2015 với giá giao dịch bình quân 19.130 đồng/ 01 cổ phiếu
- Bán 201.000 cổ phiếu quỹ trong thời gian từ 15/12/2015 đến 13/1/2016 với giá giao dịch bình quân 22.243 đồng/ 01 cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu quỹ hiện có: 11.754.600 cổ phiếu

3.2.3. Các chứng khoán khác: Không có

3.3. Hoạt động quan hệ cổ đông và nhà đầu tư

Là một doanh nghiệp niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với gần 6.000 cổ đông, PVI luôn chú trọng hoạt động quan hệ cổ đông và nhà đầu tư để củng cố mối quan hệ vững chắc, tạo dựng niềm tin lâu dài giữa PVI và nhà đầu tư, góp phần không nhỏ vào sự phát triển lớn mạnh của PVI trong thời gian qua.

Hoạt động quan hệ nhà đầu tư của PVI hướng tới việc bảo vệ và thực hiện đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, cũng như đảm bảo sự đối xử bình đẳng giữa các cổ đông và công bố thông tin minh bạch.

Đối với PVI, việc thực hiện đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông cũng như đảm bảo sự đối xử bình đẳng giữa các cổ đông luôn là một trong những vấn đề quan

trọng trong quản trị doanh nghiệp. Bộ phận Quan hệ cổ đông của PVI đã làm tốt chức năng là cầu nối hữu hiệu gắn kết cổ đông, nhà đầu tư và doanh nghiệp. Không chỉ tại Đại hội đồng cổ đông thường niên các cổ đông mới có điều kiện đối thoại trực tiếp với doanh nghiệp, PVI luôn sẵn sàng đối thoại với cổ đông và các nhà đầu tư quan tâm, tổ chức nhiều cuộc gặp gỡ, trao đổi với các Nhà đầu tư, các Quỹ, tổ chức tài chính trong và ngoài nước nhằm tiếp nhận và giải đáp thắc mắc, cung cấp những thông tin về tình hình kinh doanh, chiến lược phát triển của PVI. Đến với PVI, cổ đông dù là tổ chức hay cá nhân, dù là cổ đông lớn hay cổ đông nhỏ lẻ, luôn nhận được sự đón tiếp chân thành, trao đổi cởi mở và hợp tác. Các câu hỏi và ý kiến của cổ đông thông qua điện thoại hay email trực tiếp luôn được PVI nhanh chóng phản hồi. Ngoài ra, PVI đã phát hành định kỳ Báo cáo thường niên, Báo cáo quản trị doanh nghiệp, Báo cáo tài chính giúp các nhà đầu tư có cái nhìn sâu sắc, toàn diện về doanh nghiệp.

PVI cũng luôn có trách nhiệm trong việc thực hiện minh bạch thông tin tới nhà đầu tư. Ngoài việc luôn tuân thủ nghiêm túc các yêu cầu công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và HNX, PVI còn chủ động công bố kịp thời các thông tin về kết quả kinh doanh, tình hình tài chính, quản trị và các thông tin có thể ảnh hưởng đến lợi ích của nhà đầu tư ... trên website chính thức của công ty (www.pvi.com.vn) cũng như trên các phương tiện thông tin đại chúng để nhà đầu tư có thể nắm bắt kịp thời các thông tin liên quan đến hoạt động của PVI. Bên cạnh đó, PVI cũng luôn chú trọng đến các thông tin về kế hoạch phát triển bền vững và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. PVI sẵn sàng cung cấp thông tin đa chiều để cổ đông và nhà đầu tư có một cái nhìn toàn diện về doanh nghiệp.

Ghi nhận những kết quả của PVI trong hoạt động quan hệ cổ đông và minh bạch thông tin tới nhà đầu tư, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội liên tục 3 năm (2013-2015) vinh danh PVI là 1 trong 30 doanh nghiệp minh bạch nhất.

Năm 2016, PVI sẽ tiếp tục nâng cao chất lượng quan hệ nhà đầu tư, tăng cường minh bạch hóa thông tin nhằm xây dựng một hệ thống quản trị theo tiêu chuẩn quốc tế. Một số hoạt động cụ thể như:

- Tăng cường gặp gỡ nhà đầu tư, tìm hiểu nhu cầu của các cổ đông, nhà đầu tư để giải đáp các vấn đề nhà đầu tư quan tâm. Cung cấp thông tin cho nhà đầu tư kịp thời, hiệu quả.
- Đẩy mạnh việc công bố thông tin tiếng Anh trên website của PVI.
- Hợp tác với cơ quan truyền thông, các kênh thông tin chuyên ngành kinh tế, bảo hiểm, tài chính, chứng khoán nhằm cung cấp thông tin rộng rãi đến các nhà đầu tư.

PVI cam kết và khẳng định tôn chỉ hoạt động hướng về lợi ích Nhà đầu tư và Cổ đông - những người đã cùng đồng hành với PVI trên chặng đường phát triển những năm qua và trong những năm tiếp theo.

4. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Trong năm 2015, PVI tiếp tục chủ động hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp sau khi Tái cấu trúc, cụ thể như sau:

4.1. Về cơ cấu tổ chức, nhân sự:

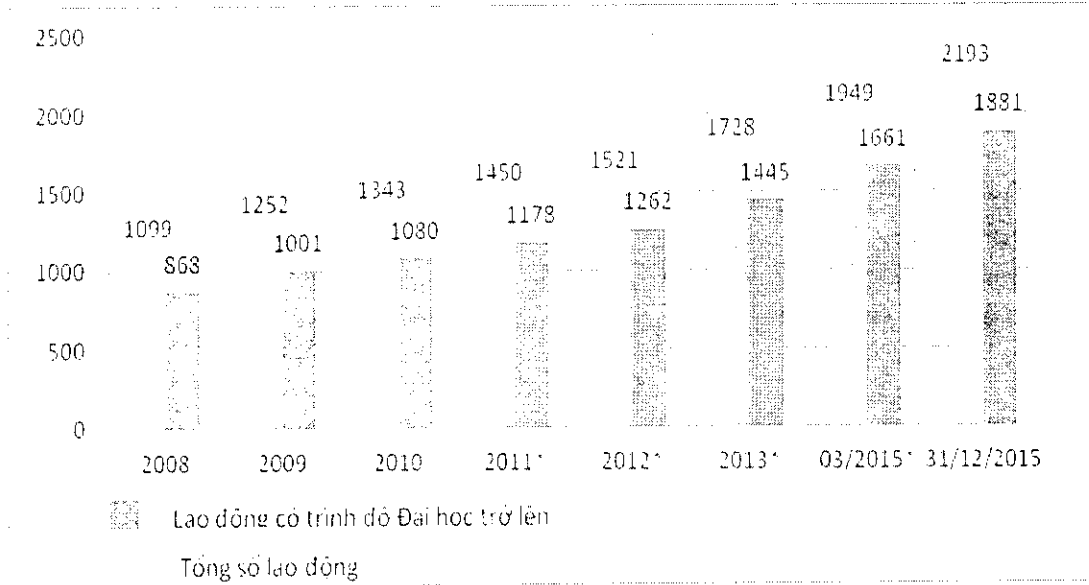
4.1.1. Về công tác tổ chức:

Trong năm 2015, Công ty mẹ tiếp tục thực hiện tái cấu trúc theo chiều sâu theo các chuẩn mực quốc tế, thực sự đóng vai trò kiến tạo và điều hành chiến lược phát triển toàn bộ hệ thống PVI. Tháng 1/2015, Công ty mẹ đã thực hiện việc kiện toàn, thu gọn bộ máy tổ chức với 04 Ban chức năng: Quản lý và Phát triển nguồn nhân lực, Chiến lược và Tuân thủ, Tài chính kế toán và Kiểm toán, Công nghệ thông tin để tập trung thực hiện các nhiệm vụ cốt lõi cũng như phát huy vai trò kiến tạo và điều hành chiến lược phát triển toàn bộ hệ thống của Công ty mẹ.

4.1.2. Về nhân sự:

Tại thời điểm 31/12/2015, tổng số lao động toàn PVI là 2194 người.

+ Biểu đồ nhân sự của PVI từ năm 2010 đến năm 2015:



Năm 2011* tổng số lao động toàn PVI là 1450 người, trong đó:

- Công ty mẹ - Công ty CP PVI: 100 người
- Tổng công ty Bảo hiểm PVI: 1318 người
- Công ty Tái bảo hiểm PVI: 32 người

Năm 2012* tổng số lao động toàn PVI là 1521 người, trong đó:

- Công ty mẹ - Công ty CP PVI: 103 người
- Tổng công ty Bảo hiểm PVI: 1376 người
- Công ty Tái bảo hiểm PVI: 42 người

Năm 2013* tổng số lao động toàn PVI là 1728 người, trong đó:

- Công ty mẹ - Công ty CP PVI: 109 người
- Tổng công ty Bảo hiểm PVI: 1568 người
- Tổng công ty cổ phần.Tái bảo hiểm PVI: 51 người

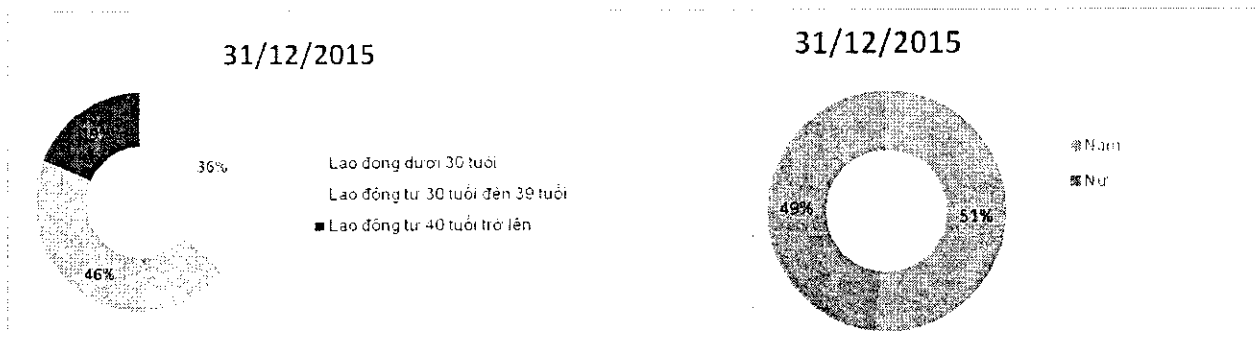
Năm 2014* tổng số lao động toàn PVI là 1949 người, trong đó:

- Công ty mẹ- Công ty cổ phần PVI: 42 người (sau khi kiện toàn cơ cấu tổ chức)
- Tổng công ty Bảo hiểm PVI: 1866 người
- Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI: 41 người

Năm 2015* tổng số lao động toàn PVI là 2194 người, trong đó:

- Công ty mẹ - Công ty CP PVI: 43 người
- Tổng công ty Bảo hiểm PVI: 2087 người
- Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI: 41 người
- Công ty CP Quản lý Quỹ PVI là: 23 người

+ Cơ cấu độ tuổi lao động, giới tính:



4.2. Chính sách lao động:

Chính sách tiền lương, tiền thưởng: PVI luôn thực hiện việc chi trả tiền lương, tiền thưởng phù hợp với các quy định của Chính phủ, của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hệ thống thang lương, bảng lương, phụ cấp lương và các quy định quản lý lao động, tiền lương, thu nhập của Nhà nước và Thỏa ước lao động tập thể của PVI. Việc chi trả tiền lương, tiền thưởng đối với người lao động được thực hiện theo Quy chế trả lương, trả thưởng của PVI đảm bảo nguyên tắc tiền lương phân phối cho người lao động dựa trên giá trị cống hiến, chức danh công việc và hiệu quả kinh doanh, không cao bằng trong phân phối tiền lương, tiền thưởng. Chính sách tiền lương được gắn với nội dung quản lý nhân sự khác như: đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng nhằm thu hút, khuyến khích phát triển nguồn nhân lực. Tiền thưởng được phân phối theo hiệu quả kinh doanh và mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với từng cá nhân.

Chế độ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được PVI thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và đảm bảo toàn thể người lao động tại PVI được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định.

Chế độ, chính sách khác: Ngoài các chế độ tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật, người lao động tại PVI còn được hưởng thêm nhiều chế độ, chính sách khác như:

- + Bảo hiểm Hưu trí tự nguyện;
- + Bảo hiểm con người mức trách nhiệm cao (PVI Care);
- + Nghỉ mát hàng năm;
- + Trang bị đồng phục;
- + Khám sức khỏe định kỳ hàng năm;
- + PVI tổ chức ăn sáng, ăn trưa cho người lao động tại bếp ăn của PVI;
- + Hỗ trợ, thăm hỏi người lao động khi ốm đau, hiếu, hi...;
- + Tặng quà cho người lao động và tổ chức gặp mặt nhân các ngày Lễ: Ngày Quốc tế phụ nữ 8/3, ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6, ngày Thương binh liệt sĩ 27/7; Rằm trung thu, ngày thành lập Quân đội nhân dân 22/12...

4.3. Hoạt động đào tạo:

Năm 2015, PVI đã tổ chức 89 khóa đào tạo với số lượt cán bộ được cử đi đào tạo là 3.653 lượt người. Đặc biệt chú trọng các khóa đào tạo chuyên sâu về bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm phi nhân thọ chứng chỉ quốc tế. Năm 2015, tiếp tục phát huy việc sử dụng đội ngũ giảng viên nội bộ có kinh nghiệm và kiến thức chuyên sâu tham gia các khóa đào tạo nội bộ cho các cán bộ, khách hàng và đại lý của PVI, tiết kiệm chi phí giảng viên, vừa đạt được yêu cầu về tính thực tiễn cao, bám sát được các quy trình, quy định của PVI. Số khóa đào tạo tự tổ chức chiếm 60% tổng số khóa đào tạo tại PVI trong năm 2015.

4.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Trong năm 2015, PVI thực hiện đúng và đầy đủ chế độ, chính sách, quy trình, công việc về môi trường lao động, môi trường sinh thái, cụ thể:

- Phân công nhiệm vụ đối với cán bộ chuyên trách về ATSKMT và PCCN theo đúng quy định của Pháp luật.
- Thực hiện báo cáo định kỳ công tác vệ sinh lao động và môi trường theo quy định.
- Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy định, quy phạm pháp luật và công tác đào tạo, huấn luyện ATSKMT và PCCN cho người lao động trong đơn vị.
- Tham mưu và tổng hợp kịp thời báo cáo về an toàn lao động, vệ sinh lao động và phòng cháy chữa cháy cho Lãnh đạo thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước.
- Phối hợp với trường Đại học Tokyo Nhật Bản và Trung tâm y tế môi trường lao động Công thương thuộc Bộ Công thương tiến hành về nghiên cứu, khảo sát đo, kiểm tra nồng độ không khí, nhiệt độ ánh sáng và chất lượng môi trường tại tòa nhà PVI Tower.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp Hà Nội cho phép tòa nhà PVI Tower được xả nước thải vào nguồn nước chung của khu vực trên cơ sở cấp “Chứng nhận Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước” của UBND Thành phố Hà Nội.
- Tiến hành ký kết các Hợp đồng vệ sinh môi trường tòa nhà PVI Tower: Hợp đồng xử lý rác thải, Hợp đồng dịch vụ vệ sinh công nghiệp, Hợp đồng phun thuốc diệt côn trùng...
- Tiến hành kiểm định an toàn kỹ thuật đối với các thiết bị, máy móc, thiết bị PCCC tòa nhà PVI Tower đảm bảo vệ sinh môi trường lao động.
- Đảm bảo môi trường và cảnh quan xanh sạch đẹp, tổ chức phát động và hưởng ứng Tuần lễ quốc gia về an toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ tại Tòa nhà PVI.

4.5. Hoạt động Đảng – đoàn, an sinh xã hội:

Năm 2015, Đảng ủy PVI tổ chức thành công Đại hội đại biểu Đảng bộ PVI lần thứ V, nhiệm kỳ 2015-2020. Trong năm công tác Đảng và các đoàn thể chính trị xã hội của PVI đã có những bước phát triển về “chất”, kịp thời đáp ứng được với mô hình tái cấu trúc doanh nghiệp. Hoạt động của các tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên ở các cấp luôn giữ vững được vai trò, tôn chỉ mục đích của mỗi tổ chức, bám sát nhiệm vụ kinh doanh của từng đơn vị. Vai trò lãnh đạo của cấp ủy Đảng, Ban lãnh đạo đã phát huy được sức mạnh tổng hợp, tạo thành khối đoàn kết thống nhất từ những đảng viên, đoàn viên công đoàn, đoàn viên thanh niên và người lao động, góp phần không nhỏ vào thành công chung của PVI, từng bước nâng cao chất lượng chính trị, đời sống văn hóa tinh thần, văn hóa doanh nghiệp, thực hiện tốt việc tuyên truyền, triển khai Đại hội Đảng các cấp, tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương của Bác, hoàn thành việc kê khai minh bạch tài sản thu nhập theo chủ trương của Chính phủ. Tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội như: hỗ trợ Hội cựu TNXP tỉnh Hà Nam, hỗ trợ xây dựng nhà đại đoàn kết tỉnh Cà Mau, nhà nhân ái tỉnh Quảng Ngãi, ủng hộ Quỹ khuyến học và hỗ trợ học sinh nghèo vượt khó tại tỉnh Quảng Ngãi, ủng hộ xây dựng Khu tưởng niệm chiến sỹ Gạc Ma, phụng dưỡng mẹ VN anh hùng; Quỹ Tương trợ Dầu khí, Quỹ Vi thể hệ trẻ, Quỹ Nghĩa tình đồng đội của Tập đoàn; ủng hộ đồng bào lũ lụt số tiền gần 11 tỷ đồng.

5. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

5.1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty

HDQT đánh giá PVI đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch do ĐHCĐ giao và đạt được nhiều kết quả ấn tượng:

- Tổng doanh thu đạt 9.923 tỷ đồng, hoàn thành 118% kế hoạch năm 2015;
- Lợi nhuận trước thuế đạt 708 tỷ đồng, hoàn thành 162% kế hoạch năm 2015;
- Lợi nhuận sau thuế đạt 576 tỷ đồng, hoàn thành 193% kế hoạch năm 2015;

5.2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty

Trong năm 2015, Ban Tổng giám đốc đã hoạt động phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ PVI và thực hiện thành công các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết HĐQT.

5.3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Trong những năm tiếp theo, nền kinh tế Việt Nam được dự báo còn diễn biến phức tạp và gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của những hạn chế nội tại của nền kinh tế và diễn biến khó lường từ bên ngoài. Để tiếp tục phát triển lớn mạnh, giữ vững được tốc độ tăng trưởng, Hội đồng quản trị Công ty trong năm tới tập trung vào các nhiệm vụ:

- Chỉ đạo PVI hoàn thành tốt kế hoạch năm 2016 do ĐHĐCĐ giao. Bám sát diễn biến kinh tế xã hội và hoạt động kinh doanh của PVI để đưa ra các quyết sách hợp lý và kịp thời, hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh năm 2016.
- Chỉ đạo tiếp tục công tác tái cơ cấu, tập trung nâng cao hiệu quả công tác quản trị, giám sát hệ thống tại các đơn vị.
- Xây dựng chiến lược kế hoạch giai đoạn 2016-2020 và định hướng xây dựng PVI trở thành định chế Tài chính – Bảo hiểm có thương hiệu quốc tế với nền tảng hệ thống quản trị minh bạch, nguồn nhân lực chất lượng cao và hệ thống công nghệ hiện đại.

III - QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ
1	Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	217.009	0.1%
2	Tôn Thiện Việt	Phó CT HĐQT	0	0%
3	Bùi Vạn Thuận	Ủy viên HĐQT	88.188	0.04%
4	Nguyễn Khuyến Nguồn	Ủy viên HĐQT	0	0%
5	Dương Thanh Danh Francois	Ủy viên HĐQT	0	0%
6	Ulrich Heinz Wollschläger	Ủy viên HĐQT	0	0%
7	Tung Sing Lau	Ủy viên HĐQT	0	0%
8	Hussain Mohamed Redha Ali	Ủy viên HĐQT	0	0%

1.2. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2015, các Ủy ban thuộc HĐQT (Ủy ban Chiến lược & Phát triển, Ủy ban Kiểm toán & Quản trị rủi ro, Ủy ban Đầu tư, Ủy ban Thù lao & Bổ nhiệm) đã tư vấn và tham mưu cho HĐQT theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn giúp nâng cao hiệu quả trong công tác quản trị doanh nghiệp trên toàn hệ thống PVI

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2015, Hội đồng quản trị (HĐQT) PVI đã thực hiện giám sát các hoạt động của Ban Tổng giám đốc (Ban TGD) thông qua việc tham dự các cuộc họp giao ban, các báo cáo định kỳ về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Ban TGD.

Bên cạnh công tác giám sát, HĐQT đã chỉ đạo Ban TGD hoạt động phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ PVI và thực hiện đúng theo các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT như sau:

- Tổ chức thành công buổi họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 vào ngày 15/04/2015 và các phiên họp HĐQT theo định kỳ. Năm 2015, HĐQT đã tiến hành 4 phiên họp định kỳ và 12 lần xin ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản, ban hành 20 Nghị quyết HĐQT để thực hiện vai trò định hướng, chỉ đạo các hoạt động của công ty. Danh sách các Nghị quyết của HĐQT trong năm 2015 như sau:

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-PVI	22/01/2015	Thông qua việc kiện toàn mô hình tổ chức của PVI
2	02/NQ-PVI	26/01/2015	Về việc triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 của PVI
3	03/NQ-PVI	26/01/2015	Thông qua chủ trương mua cổ phiếu quỹ
4	04/NQ-PVI	09/03/2015	Về việc ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ với Công ty cổ phần Đầu tư PV2
5	05/NQ-PVI	23/03/2015	Thông qua các nội dung trình ĐHĐCĐ 2015
6	06/NQ-PVI	23/03/2015	Thông qua chủ trương sử dụng dịch vụ của Công ty cổ phần Quản lý Quỹ PVI (PVI AM)
7	07/NQ-PVI	23/03/2015	Về công tác cán bộ
8	08/NQ-PVI	17/06/2015	Thông qua kết quả kinh doanh Q1.2015, kế hoạch kinh doanh Q2.2015 và kế hoạch chi trả cổ tức
9	09/NQ-PVI	22/06/2015	Về Quy chế Quản lý tài chính của Công ty cổ phần PVI
10	10/NQ-PVI	18/08/2015	Về việc tham gia góp vốn thành lập Quỹ đầu tư cơ hội PVI (POF)
11	11/NQ-PVI	27/08/2015	Thông qua KQKD 6 tháng đầu năm 2015, kế hoạch kinh doanh 6 tháng cuối năm 2015

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
12	12/NQ-PVI	01/09/2015	Về công tác cán bộ tại Tổng công ty Bảo hiểm PVI
13	13/NQ-PVI	08/09/2015	Về việc cử người đại diện của PVI tham gia Ban đại diện quỹ POF
14	14/NQ-PVI	06/10/2015	Về Quy chế Đầu tư của Công ty cổ phần PVI
15	15/NQ-PVI	06/10/2015	Về việc chấp thuận giảm tỷ lệ nắm giữ phần vốn góp của PVI tại PVI Sun Life
16	16/NQ-PVI	10/11/2015	Về việc thực hiện chuyển nhượng phần vốn góp tại PVI Sun Life
17	17/NQ-PVI	17/11/2015	Thông qua phương án bán cổ phiếu quỹ
18	18/NQ-PVI	03/12/2015	Về việc thay đổi Người đại diện tại quỹ POF
19	19/NQ-PVI	10/12/2015	Thông qua kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm 2015, kế hoạch kinh doanh 3 tháng cuối năm 2015
20	20/NQ-PVI	16/12/2015	Về Quy chế Người đại diện tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư của PVI

- Chỉ đạo PVI hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh doanh chính như doanh thu, lợi nhuận trong bối cảnh khó khăn của nền kinh tế khi nhu cầu đầu tư giảm, lãi suất giảm.
- Chỉ đạo tiếp tục triển khai phương án tái cấu trúc doanh nghiệp và hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế.
- Chỉ đạo đẩy mạnh phát triển thương hiệu, hỗ trợ các công ty con bảo vệ thành công xếp hạng tín nhiệm quốc tế của A.M. Best.

1.4. Đào tạo về quản trị công ty:

Trong năm 2015, PVI thường xuyên cử các cán bộ quản lý (thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng giám đốc...) tham dự các khóa đào tạo, các hội thảo về quản trị công ty do UBCKNN, Sở GD&ĐT Hà Nội và các đơn vị đào tạo uy tín khác tổ chức giúp nâng cao hiệu quả trong công tác quản trị doanh nghiệp của PVI.

2. BAN KIỂM SOÁT

2.1. Danh sách thành viên Ban kiểm soát:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ
1	Bà Hà Lan	Trưởng BKS	32,767	0.014%
2	Ông Jens Wohlthat	Phó trưởng BKS	0	0%
3	Ông Oliver Massmann	Thành viên BKS	0	0%
4	Bà Trần Thu Hà	Thành viên BKS	0	0%

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

❖ Các cuộc họp của Ban kiểm soát

Năm 2015, BKS tổ chức 04 cuộc họp định kỳ hàng quý vào tháng 03/2015, tháng 06/2015, tháng 08/2015 và tháng 12/2015 nhằm trao đổi những nội dung sau:

- Kiểm điểm tình hình thực hiện các kiến nghị của BKS trong quý trước;
- Trao đổi làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của PVI với đại diện Hội đồng quản trị, đại diện Ban TGD và các cán bộ liên quan;
- Thống nhất những ý kiến đánh giá và đưa ra kiến nghị với PVI;
- Xây dựng, điều chỉnh kế hoạch hoạt động của BKS.

❖ Hoạt động kiểm tra giám sát

BKS định kỳ tiến hành giám sát và đánh giá hoạt động của PVI qua các báo cáo từ các ban nghiệp vụ, người đại diện của PVI tại các công ty con, công ty liên kết và trực tiếp kiểm tra một số hồ sơ tài liệu liên quan; đồng thời phối hợp với Ban Chiến lược và Tuân thủ, Ban Tài chính kế toán và Kiểm toán xây dựng kế hoạch kiểm tra giám sát và thực hiện kiểm tra giám sát.

Nội dung kiểm tra giám sát trong năm 2015 bao gồm:

- Giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của HĐQT, Ban TGD.
- Giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết HĐQT và thẩm định báo cáo hoạt động của HĐQT; Giám sát các hoạt động đầu tư của PVI.
- Thẩm định Báo cáo Tài chính; Đánh giá, phân tích các chỉ tiêu tài chính hàng quý trong năm 2015.
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch kinh doanh hàng quý và năm của PVI.
- Giám sát việc sửa đổi và hoàn thiện các Quy chế, quy định nội bộ của PVI.

Trong quá trình hoạt động giám sát cũng như sau mỗi quý, BKS đều có các ý kiến đánh giá, phân tích và đưa ra các kiến nghị trong công tác điều hành kinh doanh và quản lý của PVI nhằm khắc phục các tồn tại đảm bảo công tác kinh doanh của PVI đạt hiệu quả cao nhất. Các hoạt động của BKS được thực hiện theo đúng các quy định về tổ chức hoạt động của BKS PVI, quy định pháp luật của Nhà nước, Điều lệ PVI, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát:

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Thực hiện theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2015 đã thông qua.

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Tôn Thiện Việt	PCT HĐQT	130.209	0,06%	0	0%	Bán
2	Phạm Anh Đức	Phó TGD	54.238	0,02%	34.238	0,01%	Bán
3	Tập đoàn Dầu khí VN	Người đại diện phần vốn là người nội bộ	83.149.740	35,5%	81.978.530	35%	Bán
4	CTCP Quản lý Quỹ Đầu tư Tài chính Dầu khí	Chủ tịch HĐQT là người nội bộ	2.869.863	1,23%	0	0%	Bán

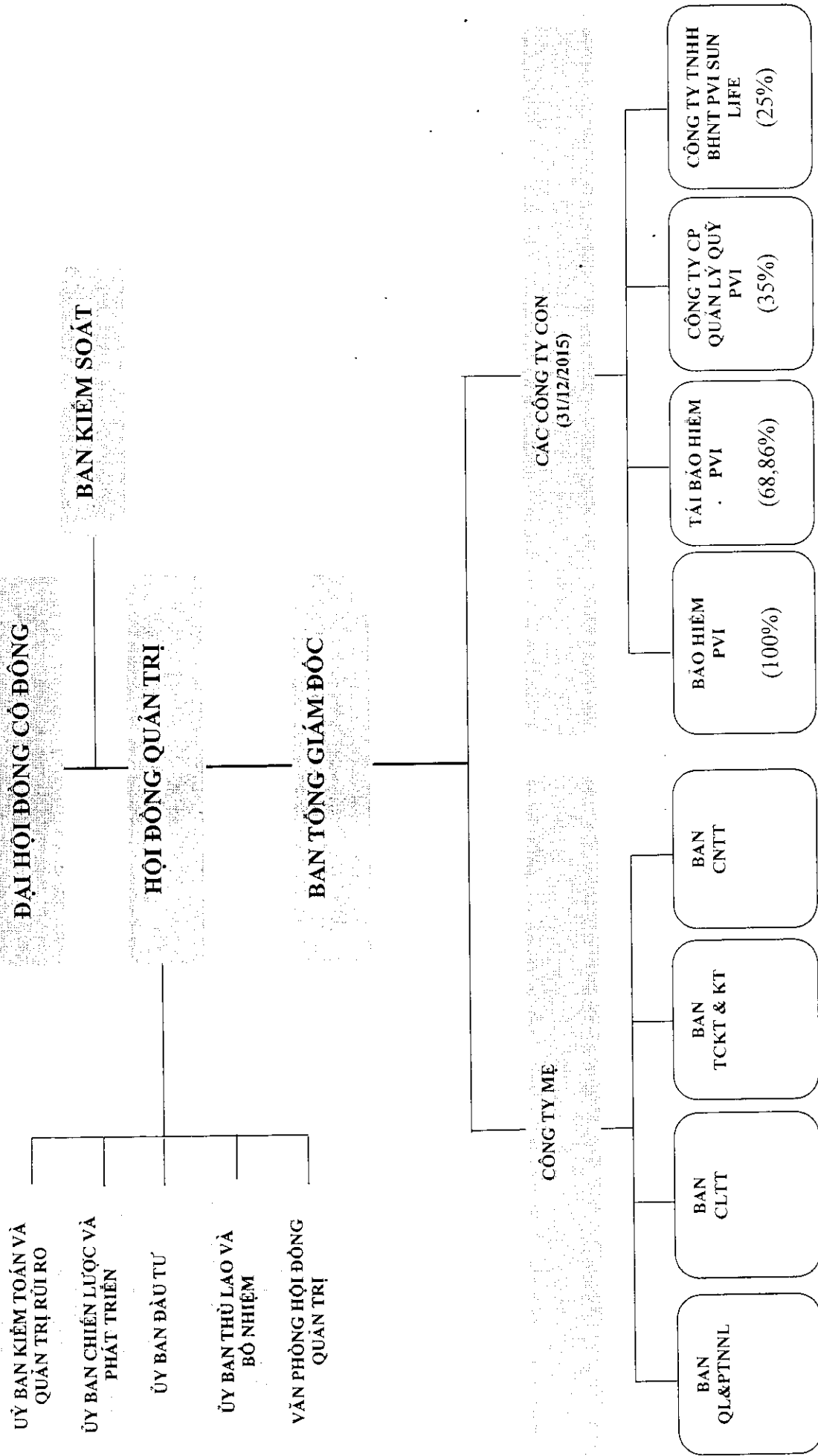
3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Thực hiện theo đúng Điều lệ và quy định của pháp luật.

IV- BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

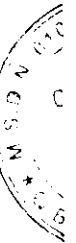
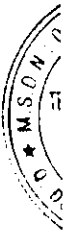


CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

(Thành lập tại mức Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 38

100/00
CỔ
SỞ
CƠ
ĐE
VI
/00/

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Tôn Thiện Việt	Phó Chủ tịch
Ông Bùi Văn Thuận	Ủy viên
Ông Nguyễn Khuyến Nguồn	Ủy viên
Ông Thanh Danh François Dương	Ủy viên
Ông Ulrich Heinz Wollschlager	Ủy viên
Ông Tung Sing Lau	Ủy viên
Ông Hussain Mohamed Redha Ali	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Bùi Văn Thuận	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Khắc Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phùng Tuấn Kiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Quốc Lâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Anh Đức	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

1250
NG
HIỆM
01
T N
4
11

CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

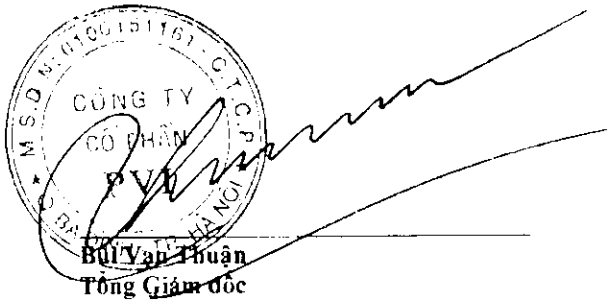
Tòa nhà PVI, Số 01 Phạm Văn Bạch, Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

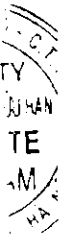
Ban Tổng Giám đốc xác nhận Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 02 năm 2016



CT
TY
CƠ
PHẦN
PVI
TE
M
HÀ

Số: 317 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần PVI

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 16 tháng 02 năm 2016, từ trang 6 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03 và Thuyết minh số 32 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu so sánh (số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014) trên Bảng cân đối kế toán đã được phân loại lại cho phù hợp với số liệu của năm nay.

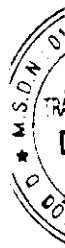


Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0036-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 16 tháng 02 năm 2016
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phạm Ngọc Hải
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2452-2013-001-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MÀU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	
			31/12/2015	(Phân loại lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.125.673.640.511	1.822.718.740.754
I. Tiền	110	5	24.259.119.937	51.663.776.558
1. Tiền	111		24.259.119.937	51.663.776.558
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	1.037.305.245.744	1.529.414.056.704
1. Chứng khoán kinh doanh	121		110.349.793.765	129.616.443.765
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(68.044.548.021)	(40.202.387.061)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		995.000.000.000	1.440.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.021.434.277.819	234.723.570.919
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	113.644.755.768	118.435.852.692
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	119.075.795.772	108.213.021.119
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	1.103.916.805.938	355.643.774.207
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(315.203.079.659)	(347.569.077.099)
IV. Hàng tồn kho	140		720.000	1.440.000
1. Hàng tồn kho	141		720.000	1.440.000
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		42.674.277.011	6.915.896.573
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15	2.151.909.898	6.594.334.515
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		40.522.367.113	321.562.058
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.047.363.777.115	5.076.283.717.204
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		269.478.800	259.638.400
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	269.478.800	259.638.400
II. Tài sản cố định	220		162.667.177.443	128.561.168.843
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	160.280.274.244	126.141.035.510
Nguyên giá	222		208.830.722.150	163.298.332.031
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(48.550.447.906)	(37.157.296.521)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	2.386.903.199	2.420.133.333
Nguyên giá	228		24.197.828.000	22.817.112.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(21.810.924.801)	(20.396.978.667)
III. Bất động sản đầu tư	230	13	1.567.500.699.881	892.790.999.983
Nguyên giá	231		1.620.880.414.166	915.980.376.607
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(53.379.714.285)	(23.189.376.624)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	14	-	691.485.288.071
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	691.485.288.071
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	3.285.195.638.664	3.302.094.663.839
1. Đầu tư vào công ty con	251		2.677.500.000.000	3.121.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252		422.316.450.509	122.316.450.509
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		156.753.609.354	158.253.609.354
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(171.374.421.199)	(99.475.396.024)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		200.000.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		31.730.782.327	61.091.958.068
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	31.730.782.327	61.091.958.068
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		7.173.037.417.626	6.899.002.457.958

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

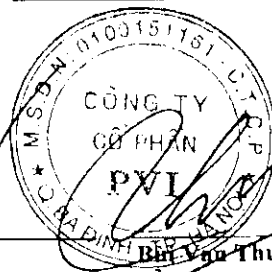
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	MÀU SỐ B 01-DN	
			Đơn vị: VND	Đơn vị: VND
			31/12/2015	31/12/2014 (Phân loại lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		895.073.256.634	866.301.399.236
I. Nợ ngắn hạn	310		352.493.499.203	101.081.991.496
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		9.885.306.197	2.012.830.383
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	1.620.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	40.195.274.968	1.907.551.984
4. Phải trả người lao động	314		9.444.258.318	6.154.800.316
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	74.406.728.376	14.063.730.074
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	20	14.608.771.018	17.304.713.419
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	158.831.384.203	50.423.018.316
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	15.000.000.000	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		30.121.776.123	7.595.347.004
II. Nợ dài hạn	330		542.579.757.431	765.219.407.740
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	20	216.587.430.622	222.222.825.855
2. Phải trả dài hạn khác	337	18	20.742.918.059	12.747.173.135
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	305.000.000.000	530.000.000.000
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342		249.408.750	249.408.750
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		6.277.964.160.992	6.032.701.058.722
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	6.277.964.160.992	6.032.701.058.722
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.342.418.670.000	2.342.418.670.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.342.418.670.000	2.342.418.670.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.323.062.514.020	3.323.062.514.020
3. Cổ phiếu quỹ	415		(212.883.100.975)	(162.414.980.975)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		179.211.820.775	179.211.820.775
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		646.154.257.172	350.423.034.902
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		147.878.523.221	131.055.910.233
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		498.275.733.951	219.367.124.669
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		7.173.037.417.626	6.899.002.457.958

Lâm Thị Lan Phương
Người lập biểu

Ngày 16 tháng 02 năm 2016

Trần Duy Cường
Kế toán trưởng



Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

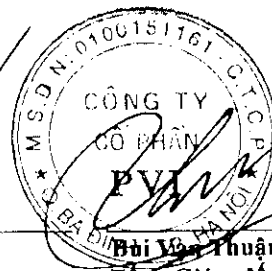
MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	160.981.023.719	118.437.495.562
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10		160.981.023.719	118.437.495.562
3. Giá vốn hàng bán	11	24	141.786.042.839	98.785.792.630
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		19.194.980.880	19.651.702.932
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	819.917.819.597	489.179.084.374
6. Chi phí tài chính	22	28	148.579.155.322	127.332.206.932
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		34.575.410.000	41.816.766.505
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	122.962.516.013	137.152.031.704
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		567.571.129.142	244.346.548.670
9. Thu nhập khác	31		2.210.500.003	18.000.000
10. Chi phí khác	32		37.318.182	-
11. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		2.173.181.821	18.000.000
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		569.744.310.963	244.364.548.670
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	39.691.688.265	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		530.052.622.698	244.364.548.670

Lâm Thị Lan Phương
Người lập biểu

Ngày 16 tháng 02 năm 2016

Trần Duy Cường
Kế toán trưởng



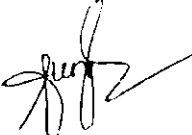
Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc

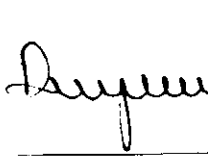
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

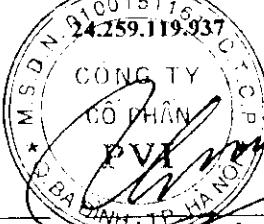
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm	
		2015	2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	102.527.962.851	348.029.309.832
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(160.413.947.949)	(268.735.257.406)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(26.366.897.283)	(29.867.117.757)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(45.105.145.556)	(59.675.832.524)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản nợ Nhà nước	05	(13.084.442.355)	(34.033.957.363)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	36.428.813.140	241.607.555.253
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(38.568.024.329)	(40.572.180.990)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(144.581.681.481)	156.752.519.045
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(13.213.417.647)	(95.468.675.873)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(895.000.000.000)	(1.832.542.231.636)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	886.642.098.722	1.602.570.161.735
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(68.500.000.000)	(250.000.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	203.966.650.000	154.560.010.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	463.302.275.715	547.291.463.594
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	577.197.606.790	126.410.727.820
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(50.468.120.000)	(5.186.920.000)
2. Tiền thu từ đi vay	33	360.000.000.000	18.246.867.391
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	33a	360.000.000.000	18.246.867.391
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(570.000.000.000)	(96.432.863.843)
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	34a	(570.000.000.000)	(96.432.863.843)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(199.552.461.930)	(405.494.991.140)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(460.020.581.930)	(488.867.907.592)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(27.404.656.621)	(205.704.660.727)
Tiền đầu năm	60	51.663.776.558	257.368.437.285
Tiền cuối năm (70=50+60)	70	24.259.119.937	51.663.776.558


Lâm Thị Lan Phương
Người lập biểu


Trần Duy Cường
Kế toán trưởng


Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 02 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

Tòa nhà PVI, Số 01 Phạm Văn Bạch, Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 42 GP/KDBH ngày 12 tháng 3 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Từ ngày 10 tháng 8 năm 2007, cổ phiếu của Công ty Cổ phần PVI được niêm yết trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

Ngày 28 tháng 6 năm 2011, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy phép kinh doanh số 0100151161 sửa đổi, bổ sung lần thứ 12, đổi tên thành Công ty Cổ phần PVI, sửa đổi và bổ sung một số ngành nghề kinh doanh.

Công ty chính thức đi vào hoạt động theo mô hình công ty mẹ, công ty con theo Giấy phép kinh doanh mới từ ngày 01 tháng 8 năm 2011.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 43 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 80 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty gồm kinh doanh dịch vụ tài chính và kinh doanh bất động sản.

Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động nắm giữ tài sản;
- Hoạt động dịch vụ tài chính;
- Kinh doanh bất động sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng

Ngày 03 tháng 02 năm 2015, Công ty cùng Tổng Công ty Bảo hiểm PVI (công ty con của Công ty) đã góp 32.500.000.000 VND, chiếm 65% vốn điều lệ để thành lập Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI theo Giấy phép số 55/GP-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Ngày 08 tháng 10 năm 2015, Công ty cùng Tổng Công ty Bảo hiểm PVI và Tổng Công ty Cổ phần Tài bảo hiểm PVI (các công ty con của Công ty) đã góp 440.000.000.000 VND để thành lập Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI ("POF") theo Thông báo số 215/TB-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. POF được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI, thời gian hoạt động của POF là 05 năm.

Ngày 12 tháng 11 năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty đã có Quyết định số 307/QĐ-PVI về việc giảm tỷ lệ nắm giữ vốn tại Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life xuống còn 25% vốn điều lệ thông qua việc chuyển nhượng một phần vốn góp tương đương 26% vốn điều lệ cho đối tác Sun Life Assurance Company of Canada. Việc chuyển nhượng 26% vốn điều lệ này đã được các bên hoàn tất trong năm 2015.

001
CỔ
PHẦN
ĐẠI
VIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

Tòa nhà PVI, Số 01 Phạm Văn Bạch, Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)****Cấu trúc doanh nghiệp**

Danh sách các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 gồm:

- Tổng Công ty Bảo hiểm PVI (PVI Insurance)
- Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI (PVI Re-insurance)
- Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI (PVI AM)

Danh sách các công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 gồm:

- Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life (PVI Sun Life)
- Công ty Cổ phần Đầu tư PV2 (PV2)

Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI (POF): POF được thành lập ngày 08 tháng 10 năm 2015 dưới hình thức quỹ đóng theo Thông báo số 215/TB-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. POF được góp vốn bởi Công ty và các công ty con của Công ty là Tổng Công ty Bảo hiểm PVI và Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI. POF được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI, thời gian hoạt động của POF là 05 năm. Ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu so sánh (số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014) trên Bảng cân đối kế toán đã được phân loại lại cho phù hợp với số liệu của năm nay.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

12500
JG T
EM H
DIT
NA
17

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư (không bao gồm đầu tư vào công ty con và công ty liên kết).

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn và phải trả dài hạn khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

c. Đầu tư vào công ty con và đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI ("POF")

Khoản đầu tư góp vốn vào POF được phản ánh trên cơ sở giá gốc. Thu nhập phát sinh từ khoản đầu tư này được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi từ Ban Đại diện Quỹ vào thời điểm cuối năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

Tòa nhà PVI, Số 01 Phạm Văn Bạch, Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định về kế toán hiện hành.

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư góp vốn vào POF được ghi nhận khi giá trị vốn góp của các bên tại POF lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có (NAV) của POF tại thời điểm cuối năm tài chính.

d. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

Tòa nhà PVI, Số 01 Phạm Văn Bạch, Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm 2015</u>
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 40
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm kế toán, phần mềm quản lý và bản quyền các phần mềm khác (gọi chung là "phần mềm máy tính"). Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà văn phòng do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và nhà dự án do Công ty nắm giữ chờ tăng giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 39,5 năm. Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

Tòa nhà PVI, Số 01 Phạm Văn Bạch, Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm chênh lệch đánh giá lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa và các khoản chi phí trả trước khác.

Chênh lệch đánh giá lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa

Ngày 20 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 203/2009/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định cho các doanh nghiệp được thành lập và hoạt động tại Việt Nam (được thay thế bằng Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và có hiệu lực từ ngày 10 tháng 6 năm 2013). Theo đó, "Các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo phương pháp dòng tiền chiết khấu (DCF) thì phần chênh lệch tăng của vốn Nhà nước giữa giá trị thực tế và giá trị ghi trên sổ sách kế toán không được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh nhưng thời gian không quá 10 năm. Thời điểm bắt đầu phân bổ vào chi phí là thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)". Thông tư số 203/2009/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đã được Công ty áp dụng để ghi nhận phần chênh lệch giữa giá trị thực tế của phần vốn Nhà nước tại ngày 31 tháng 12 năm 2005 (thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa) với giá trị ghi sổ là 213.785.395.213 VND sang Chi phí trả trước dài hạn và phân bổ đều vào chi phí trong vòng 8 năm kể từ năm 2009.

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC, khoản chênh lệch đánh giá lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa được phân bổ vào chi phí tối đa không quá 3 năm. Phần giá trị chênh lệch đánh giá lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa chưa phân bổ hết tại ngày 01 tháng 01 năm 2015 được Công ty xác định sẽ phân bổ vào chi phí trong thời gian 2 năm tiếp theo.

Các khoản chi phí trả trước khác

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bắt đầu sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

500
T
H
TT
VAI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính không được dùng để chia cho cổ đông.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong năm, do không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào nên Công ty không phản ánh khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào trên báo cáo tài chính riêng này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các quỹ tại doanh nghiệp

Toàn bộ phần lợi nhuận được sử dụng để trả cổ tức cho các cổ đông, trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, trích Quỹ thưởng ban điều hành và các quỹ khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tỷ lệ phân phối cho từng khoản mục trên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Hội đồng Quản trị. Tuy nhiên, theo Điều lệ của Công ty, Hội đồng Quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa năm nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

5. TIỀN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	417.814.651	258.588.911
Tiền gửi ngân hàng	23.841.305.286	51.405.187.647
	<u>24.259.119.937</u>	<u>51.663.776.558</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2015		31/12/2014		Dự phòng VND	Dự phòng VND
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND		
a) Chứng khoán kinh doanh	110.349.793.765	42.305.245.744	129.616.443.765	101.698.406.704	(40.202.387.061)	(40.202.387.061)
- Tổng giá trị cổ phiếu	110.349.793.765	42.305.245.744	129.616.443.765	101.698.406.704	(40.202.387.061)	(40.202.387.061)
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.195.000.000.000	1.195.000.000.000	1.440.000.000.000	1.440.000.000.000	-	-
b1) Ngân hàng	995.000.000.000	995.000.000.000	1.440.000.000.000	1.440.000.000.000	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (i)	545.000.000.000	545.000.000.000	840.000.000.000	840.000.000.000	-	-
- Các khoản đầu tư khác	450.000.000.000	450.000.000.000	600.000.000.000	600.000.000.000	-	-
+ Hợp tác đầu tư bất động sản (ii)	450.000.000.000	450.000.000.000	600.000.000.000	600.000.000.000	-	-
b2) Dài hạn	200.000.000.000	200.000.000.000	-	-	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn (i)	200.000.000.000	200.000.000.000	-	-	-	-
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	3.256.570.059.863	3.311.916.118.739	3.401.570.059.863	3.481.059.517.859	(99.475.396.024)	(99.475.396.024)
- Đầu tư vào công ty con	2.677.500.000.000	2.843.881.286.193	3.121.000.000.000	3.224.668.088.857	(41.760.501.277)	(41.760.501.277)
- Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	2.100.000.000.000	2.211.087.755.377	2.100.000.000.000	2.199.866.994.447	-	-
+ Tổng Công ty Cổ phần Tài Bảo hiểm PVI	460.000.000.000	512.815.500.989	460.000.000.000	505.561.595.687	-	-
- Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life (iii)	-	-	561.000.000.000	519.239.498.723	(41.760.501.277)	(41.760.501.277)
+ Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI	17.500.000.000	18.824.859.271	-	-	-	-
- Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI (iv)	100.000.000.000	101.153.170.556	-	-	-	-
- Đầu tư vào công ty liên kết	422.316.450.509	285.089.638.666	122.316.450.509	71.627.203.687	(50.689.246.822)	(50.689.246.822)
- Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life (iii)	300.000.000.000	259.912.738.666	(137.226.811.843)	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư PVI2	122.316.450.509	25.176.900.000	(40.087.261.334)	-	-	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	156.753.609.354	182.945.193.880	(97.139.550.509)	184.764.225.315	(7.025.647.925)	(7.025.647.925)

CÔNG TY CỔ PHẦN PVITòa nhà PVI, Số 01 Phạm Văn Bạch, Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần hữu (theo vốn thực góp) %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	Hà Nội	32,1	32,1	Kinh doanh bất động sản và đầu tư tài chính
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life	Hồ Chí Minh	25	25	Bảo hiểm nhân thọ

- Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết trong năm: các công ty con, công ty liên kết của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 hoạt động ổn định theo lĩnh vực kinh doanh đã đăng ký.

- Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và các công ty con, công ty liên kết trong năm gồm:

+ Công ty mẹ cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và các sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin (cung cấp phần mềm, cung cấp đường truyền dữ liệu) cho các công ty con;

- Các công ty con điều chuyển/chia lợi nhuận về Công ty mẹ;

+ Công ty Cổ phần Quản lý quỹ PVI cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý danh mục đầu tư cho Công ty mẹ và các công ty con khác của Công ty mẹ;

+ Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life bán bảo hiểm nhân thọ cho Công ty mẹ và các công ty con khác của Công ty mẹ.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính được xác định như sau:

- Giá trị hợp lý của các khoản chứng khoán kinh doanh có giao dịch tích cực trên thị trường tài chính được xác định theo giá công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Với các khoản chứng khoán kinh doanh không có thị trường tích cực, giá trị hợp lý được xác định bằng các phương pháp định giá phù hợp gồm: phương pháp so sánh với các chứng khoán kinh doanh tương đồng có giá thị trường và phương pháp giá trị tài sản ròng.

- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn dài hạn được xác định theo phương pháp giá trị tài sản ròng căn cứ vào báo cáo tài chính của đơn vị nhận đầu tư.

- Giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi ngắn hạn được xác định bằng giá trị ghi sổ.

- Đối với khoản đầu tư khác không có đủ thông tin trên thị trường để xác định giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng	113.644.755.768	118.435.852.692
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội (SHB)	29.886.973.879	29.886.973.879
- Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long	22.877.777.778	22.877.777.778
- Các khoản phải thu khách hàng khác	60.880.004.111	65.671.101.035

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÀU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Trả trước theo hợp đồng mua căn hộ	97.586.016.147	96.191.095.147
Trả trước khác	21.489.779.625	12.021.925.972
	<u>119.075.795.772</u>	<u>108.213.021.119</u>

9. PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.103.916.805.938	355.643.774.207
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	47.227.564.446
- Phải thu về chuyển nhượng vốn góp (i)	780.000.000.000	-
- Tạm ứng	546.761.541	691.539.438
- Ký cược, ký quỹ	-	10.000.000
- Phải thu khác (ii)	323.370.044.397	307.714.670.323
	269.478.800	259.638.400
b) Dài hạn	269.478.800	259.638.400
- Ký cược, ký quỹ	269.478.800	259.638.400
Cộng	<u>1.104.186.284.738</u>	<u>355.903.412.607</u>

(i) Như đã trình bày tại Thuyết minh số 6, trong năm Công ty đã thực hiện chuyển nhượng một phần vốn góp tương đương 26% vốn điều lệ của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life với giá chuyển nhượng 780 tỷ đồng và chưa thu được tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2015. Số tiền này đã được bên mua thanh toán vào ngày 07 tháng 01 năm 2016.

(ii) Các khoản phải thu khác ngắn hạn chủ yếu bao gồm các hợp đồng hợp tác đầu tư, ủy thác đầu tư đã quá hạn thu hồi theo hợp đồng, được Công ty phân loại lại và chuyển sang theo dõi như khoản phải thu.



CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

Tòa nhà PVI, Số 01 Phạm Văn Bạch, Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

10. NỢ XẤU

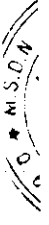
	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND

	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi;	315.203.079.659	315.203.079.659	-	390.054.818.381	347.569.077.099	42.485.741.282

- Giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu, cho vay được xác định bằng giá gốc trừ dự phòng đã trích lập.

- Không có khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm..., theo hợp đồng phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu.

- Khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu quá hạn của Công ty thấp do các đối tác của Công ty đều gặp khó khăn về tài chính hoặc trong tình trạng phá sản.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2015	97.624.847.856	10.552.440.384	55.121.043.791	163.298.332.031
Tăng trong năm	18.437.755.813	-	27.094.634.306	45.532.390.119
- Mua sắm mới	18.437.755.813	-	27.094.634.306	45.532.390.119
Tại ngày 31/12/2015	116.062.603.669	10.552.440.384	82.215.678.097	208.830.722.150
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2015	13.839.605.855	8.377.453.604	14.940.237.062	37.157.296.521
Trích khấu hao trong năm	2.896.728.857	1.431.991.993	7.064.430.535	11.393.151.385
Tại ngày 31/12/2015	16.736.334.712	9.809.445.597	22.004.667.597	48.550.447.906
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2015	99.326.268.957	742.994.787	60.211.010.500	160.280.274.244
Tại ngày 31/12/2014	83.785.242.001	2.174.986.780	40.180.806.729	126.141.035.510

Như trình bày tại Thuyết minh số 19, Công ty sử dụng Tòa nhà văn phòng PVI tại phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội để đảm bảo cho khoản tiền vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 15.837.455.092 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 13.528.178.704 VND).

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2015	22.817.112.000
Tăng trong năm	1.380.716.000
Tại ngày 31/12/2015	24.197.828.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2015	20.396.978.667
Trích khấu hao trong năm	1.413.946.134
Tại ngày 31/12/2015	21.810.924.801
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2015	2.386.903.199
Tại ngày 31/12/2014	2.420.133.333

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 19.645.112.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 18.175.112.000 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÀU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

13. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	31/12/2014	Tăng	Giảm	31/12/2015
	VND	trong năm	trong năm	VND
a) Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	915.980.376.607	285.990.651.321	-	1.201.971.027.928
- Nhà và quyền sử dụng đất (i)	915.980.376.607	285.990.651.321	-	1.201.971.027.928
Giá trị hao mòn lũy kế	23.189.376.624	30.190.337.661	-	53.379.714.285
- Nhà và quyền sử dụng đất (i)	23.189.376.624	30.190.337.661	-	53.379.714.285
Giá trị còn lại	892.790.999.983	255.800.313.660	-	1.148.591.313.643
- Nhà và quyền sử dụng đất (i)	892.790.999.983	255.800.313.660	-	1.148.591.313.643
b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá				
Nguyên giá	-	418.909.386.238	-	418.909.386.238
- Nhà (ii)	-	418.909.386.238	-	418.909.386.238
Tồn thất do suy giảm giá trị				
- Nhà (ii)	-	-	-	-
Giá trị còn lại		418.909.386.238	-	418.909.386.238
- Nhà (ii)		418.909.386.238	-	418.909.386.238

(i) Bất động sản đầu tư dùng để cho thuê thể hiện phần giá trị của tòa nhà PVI tương ứng với phần khối lượng đã hoàn thành và cho thuê được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 39,5 năm. Nguyên giá của tòa nhà này có thể thay đổi sau khi quyết toán giá trị công trình.

(ii) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá thể hiện giá trị các căn hộ tại dự án Costa Nha Trang mà Công ty đã nhận chuyển nhượng và bàn giao tài sản từ Công ty Cổ phần TD và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Quốc tế Nhà Việt, tương ứng với giá trị hợp đồng ủy thác kinh doanh vốn có chỉ định mục đích với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Quốc tế Nhà Việt. Đây là các căn hộ nắm giữ với mục đích chờ tăng giá nên Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với các bất động sản đầu tư này.

Như trình bày tại Thuyết minh số 19, Công ty sử dụng tòa nhà văn phòng PVI tại phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội để đảm bảo cho khoản tiền vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

14. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang				
- Xây dựng cơ bản dở dang	-	-	691.485.288.071	691.485.288.071
+ Dự án tòa nhà văn phòng PVI Tower tại Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	-	-	257.816.082.102	257.816.082.102
+ Dự án Costa Nha Trang (i)	-	-	432.372.089.700	432.372.089.700
+ Khác	-	-	1.297.116.269	1.297.116.269
Cộng	-	-	691.485.288.071	691.485.288.071

(i) Xem Thuyết minh số 13.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	2.151.909.898	6.594.334.515
- Chi phí trang trí nội thất tòa Nhà PVI	2.151.909.898	6.594.334.515
b) Dài hạn	31.730.782.327	61.091.958.068
- Chi phí cổ phần hóa	26.723.174.402	53.446.348.803
- Chi phí trả trước dài hạn khác	5.007.607.925	7.645.609.265
	<u>33.882.692.225</u>	<u>67.686.292.583</u>

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>Phát sinh trong năm</u>			<u>31/12/2015</u>
	<u>31/12/2014</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.338.330.318	1.081.240.862	2.419.571.180	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(262.464.442)	39.691.688.265	-	39.429.223.823
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế, phí phải nộp khác	831.686.108	10.596.236.212	10.661.871.175	766.051.145
Cộng	<u>1.907.551.984</u>	<u>51.372.165.339</u>	<u>13.084.442.355</u>	<u>40.195.274.968</u>

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Lãi vay dự trả	2.520.000.000	13.049.735.556
- Phải trả xây dựng công trình tòa nhà PVI	64.368.531.150	-
- Khác	7.518.197.226	1.013.994.518
Cộng	<u>74.406.728.376</u>	<u>14.063.730.074</u>

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	520.805.756	2.425.711.146
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	158.310.578.447	47.997.307.170
Cộng	<u>158.831.384.203</u>	<u>50.423.018.316</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	20.742.918.059	12.747.173.135
Cộng	<u>20.742.918.059</u>	<u>12.747.173.135</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty không có khoản nợ quá hạn nào chưa thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giá trị VND
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn				
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (i)	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-
Vay dài hạn				
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (ii)	305.000.000.000	305.000.000.000	-	530.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (i)	320.000.000.000	320.000.000.000	375.000.000.000	530.000.000.000
Cộng	320.000.000.000	320.000.000.000	375.000.000.000	530.000.000.000

(i) Thẻ hiện khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam ("VIB") theo Hợp đồng vay dài hạn số 01/2015/VIB-PVI ký ngày 25 tháng 11 năm 2015 với số tiền 360.000.000.000 VND. Tài sản đảm bảo của khoản vay là tòa nhà văn phòng PVI tại phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Nợ gốc vay sẽ được trả 14 lần theo kỳ hạn 6 tháng/kỳ bắt đầu vào ngày đầu tiên sau 6 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Số tiền phải trả từ kỳ 1 đến kỳ 13 là 25.700.000.000 VND, dư nợ gốc còn lại trả vào kỳ cuối của khoản vay. Lãi suất vay cố định trong 3 tháng đầu kể từ ngày rút vốn đầu tiên, sau đó được điều chỉnh 3 tháng/lần bằng lãi suất huy động VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ do VIB công bố cộng biên độ 1,0%/năm, số dư gốc vay phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 320.000.000.000 VND. Ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 28 tháng 01 năm 2016, Công ty đã thực hiện trả trước nợ gốc vay với số tiền lần lượt là 40.000.000.000 VND và 15.000.000.000 VND, cao hơn số nợ gốc vay phải trả trong năm 2015 theo lịch trả nợ. Do đó, Công ty thực hiện phân loại 15 tỷ đồng sang khoản mục nợ dài hạn đến hạn trả tương ứng với số nợ gốc vay đã thanh toán vào ngày 28 tháng 01 năm 2016.

(ii) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) bao gồm 02 khoản:

a) Ngày 21 tháng 8 năm 2012, Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) - Chi nhánh Long Biên với số tiền 500.000.000.000 VND. Công ty sử dụng bất động sản hình thành từ vốn vay là tòa nhà văn phòng PVI tại phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội để đảm bảo cho khoản vay.

Ngày 28 tháng 3 năm 2014, Công ty và Eximbank đã ký sửa đổi, bổ sung về việc ân hạn khoản vay, theo đó phần nợ gốc còn lại sẽ được trả đều làm 6 kỳ, mỗi kỳ 72.700.000.000 VND bắt đầu từ ngày 18 tháng 9 năm 2016. Lãi suất vay cố định trong 6 tháng đầu kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2014 là 8,3%/năm, sau đó được điều chỉnh 6 tháng/lần bằng lãi suất huy động VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ do Eximbank công bố cộng biên độ 1,0%/năm. Công ty đã tất toán khoản vay này vào ngày 27 tháng 11 năm 2015.



CÔNG TY CỔ PHẦN PVITòa nhà PVI, Số 01 Phạm Văn Bạch, Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

- b) Ngày 28 tháng 12 năm 2013, Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) - Chi nhánh Long Biên với số tiền 127.397.110.500 VND. Công ty sử dụng bất động sản hình thành từ vốn vay là tòa nhà văn phòng PVI tại phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội để đảm bảo cho khoản vay này.

Ngày 28 tháng 3 năm 2014, Công ty và Eximbank đã ký sửa đổi, bổ sung về việc ân hạn khoản vay, theo đó phần nợ gốc còn lại sẽ được trả đều làm 6 kỳ, mỗi kỳ 21.232.851.750 VND bắt đầu từ ngày 18 tháng 9 năm 2016. Lãi suất vay cố định trong 6 tháng đầu kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2014 là 8,3%/năm, sau đó được điều chỉnh 6 tháng/lần bằng lãi suất huy động VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ do Eximbank công bố cộng biên độ 1,0%/năm. Công ty đã tắt toán khoản vay này vào ngày 31 tháng 7 năm 2015.

Khoản vay dài hạn này được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Trong vòng một năm	15.000.000.000	-
Trong năm thứ hai	51.400.000.000	66.500.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	154.200.000.000	463.500.000.000
Sau năm năm	99.400.000.000	-
	320.000.000.000	530.000.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	15.000.000.000	-
Số phải trả sau 12 tháng	305.000.000.000	530.000.000.000

20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Doanh thu nhận trước	14.608.771.018	17.304.713.419
Cộng	14.608.771.018	17.304.713.419
b) Dài hạn		
- Doanh thu nhận trước	216.587.430.622	222.222.825.855
Cộng	216.587.430.622	222.222.825.855

CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

Tòa nhà PVI, Số 01 Phạm Văn Bạch, Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2014	2.342.418.670.000	3.323.062.514.020	(157.228.060.975)	179.211.820.775	356.470.077.233	6.043.935.021.053
Mua cổ phiếu quỹ trong năm	-	-	(5.186.920.000)	-	-	(5.186.920.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	244.364.548.670	244.364.548.670
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(24.997.424.001)	(24.997.424.001)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(225.414.167.000)	(225.414.167.000)
Tại ngày 01/01/2015	2.342.418.670.000	3.323.062.514.020	(162.414.980.975)	179.211.820.775	350.423.034.902	6.032.701.058.722
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	530.052.622.698	530.052.622.698
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	(34.263.778.128)	(34.263.778.128)
Thay đổi cổ phiếu quỹ (ii)	-	-	(50.468.120.000)	-	-	(50.468.120.000)
Chia cổ tức (iii)	-	-	-	-	(200.057.622.300)	(200.057.622.300)
Tại ngày 31/12/2015	2.342.418.670.000	3.323.062.514.020	(212.883.100.975)	179.211.820.775	646.154.257.172	6.277.964.160.992

(i) Công ty tạm trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2015 với số tiền 31.776.888.747 VND và trích Quỹ thưởng ban điều hành từ lợi nhuận sau thuế năm 2014 với số tiền 2.486.889.381 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2015 số 01/2015/NQ-DHĐCD ngày 15 tháng 4 năm 2015.

(ii) Trong năm, Công ty đã thực hiện mua 2.871.900 cổ phiếu quỹ và bán ra 201.000 cổ phiếu quỹ.

(iii) Công ty thực hiện chia cổ tức năm 2014 với tỷ lệ 9% theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2015/NQ-DHĐCD ngày 15 tháng 4 năm 2015 và Thông báo chốt quyền chia cổ tức số 470/TB-PVI ngày 08 tháng 9 năm 2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN PVITòa nhà PVI, Số 01 Phạm Văn Bạch, Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Vốn góp tại ngày 31/12/2015		Vốn góp tại ngày 31/12/2014	
	VND	Tỷ lệ %	VND	Tỷ lệ %
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	819.787.400.000	35,00%	831.497.400.000	35,50%
HDI-Gerling Industrie Versicherung AG (Thuộc tập đoàn Talanx)	745.315.030.000	31,82%	745.315.030.000	31,82%
Công ty Funderburk Lighthouse Limited	271.178.950.000	11,58%	271.178.950.000	11,58%
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	145.932.430.000	6,23%	145.932.430.000	6,23%
Cổ đông khác	360.204.860.000	15,38%	348.494.860.000	14,88%
	2.342.418.670.000	100%	2.342.418.670.000	100%

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	2.342.418.670.000	2.342.418.670.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	2.342.418.670.000	2.342.418.670.000
- Cổ tức đã chia	(200.057.622.300)	(225.414.167.000)

Cổ phiếu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	234.241.867	234.241.867
Cổ phiếu phổ thông	234.241.867	234.241.867
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	234.241.867	234.241.867
Cổ phiếu phổ thông	234.241.867	234.241.867
Số lượng cổ phiếu được mua lại	11.754.600	9.083.700
Cổ phiếu phổ thông	11.754.600	9.083.700
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	222.487.267	225.158.167
Cổ phiếu phổ thông	222.487.267	225.158.167

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu.

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Đơn vị	31/12/2015	31/12/2014
1. Ngoại tệ các loại			
Đô la Mỹ	USD	12.778.49	12.791.60
Euro	EUR	353.30	363.40

0011
CỘNG
HÒA
KIÊN
GIANG
VIỆT
NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

a) Doanh thu

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Doanh thu cho thuê văn phòng	124.400.099.841	100.736.477.770
Doanh thu hoạt động kinh doanh sản phẩm công nghệ thông tin	36.580.923.878	16.146.472.337
Doanh thu các hoạt động khác	-	1.554.545.455
	<u>160.981.023.719</u>	<u>118.437.495.562</u>

b) Doanh thu đối với các bên liên quan

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
- Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	53.387.734.414	37.149.775.947
- Tổng Công ty Cổ phần Tài Bảo hiểm PVI	9.432.020.218	9.446.267.928
- Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life	3.038.055.609	4.592.355.080
- Công ty Cổ phần Quản lý quỹ PVI	1.612.700.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	310.450.908	232.838.181

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Giá vốn hoạt động cho thuê văn phòng	108.790.002.962	83.358.283.930
Giá vốn hoạt động kinh doanh sản phẩm công nghệ thông tin	32.996.039.877	15.427.508.700
	<u>141.786.042.839</u>	<u>98.785.792.630</u>

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	28.233.070.096	40.903.858.483
Chi phí văn phòng	7.596.430.377	10.305.203.060
Chi khấu hao tài sản cố định	7.949.272.258	7.701.025.713
Chi dịch vụ mua ngoài	23.354.381.521	19.333.883.878
Chi đào tạo	154.494.000	298.150.454
Chi các khoản thuế, phí, lệ phí	5.018.341.165	9.167.496.903
Chi giao dịch, hội nghị, quảng cáo	39.702.243.292	48.340.990.566
Chi quản lý khác	10.954.283.304	1.101.422.647
	<u>122.962.516.013</u>	<u>137.152.031.704</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	7.596.430.377	10.305.203.060
Chi phí nhân công	28.233.070.096	41.900.888.171
Chi phí khấu hao tài sản cố định	42.997.435.180	34.589.737.644
Chi phí dịch vụ mua ngoài	75.044.565.350	72.129.530.700
Chi phí khác bằng tiền	110.877.057.849	77.012.464.759
	264.748.558.852	235.937.824.334

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	58.964.957.441	56.515.947.291
Lãi đầu tư trái phiếu	-	5.439.760.274
Lãi kinh doanh cổ phiếu	-	13.081.578.960
Lãi kinh doanh ủy thác đầu tư	-	20.330.413.314
Cổ tức, lợi nhuận được chia	292.769.666.323	337.766.852.448
Lợi nhuận từ chuyển nhượng cổ phần, vốn góp	468.000.000.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	183.195.833	56.044.532.087
	819.917.819.597	489.179.084.374

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí hoạt động kinh doanh cổ phiếu	244.536.590	8.269.910.698
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư	79.409.471.266	49.167.595.246
Chi phí lãi vay	34.575.410.000	41.816.766.505
Chi phí tài chính khác	34.349.737.466	28.077.934.483
	148.579.155.322	127.332.206.932

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	569.744.310.963	244.364.548.670
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(296.769.666.323)	(337.766.852.448)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(292.769.666.323)	(337.766.852.448)
- Dự phòng đầu tư tài chính đã loại ở năm trước được trừ ở năm nay	(4.000.000.000)	-
Trừ: Chuyển lỗ các năm trước	(97.763.941.026)	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	5.206.061.228	6.465.132.863
- Thù lao Hội đồng Quản trị	96.000.000	76.000.000
- Khấu hao xe ô tô có nguyên giá trên 1,6 tỷ đồng	104.333.333	104.333.333
- Chi phí khác không được khấu trừ	5.005.727.895	6.284.799.530
Thu nhập chịu thuế	180.416.764.842	(86.937.170.915)
Thuế suất thông thường	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	39.691.688.265	-

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay trừ tiền) và phần vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Các khoản vay	320.000.000.000	530.000.000.000
Trừ: Tiền	24.259.119.937	51.663.776.558
Nợ thuần	295.740.880.063	478.336.223.442
Vốn chủ sở hữu	6.277.964.160.992	6.032.701.058.722
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,05	0,08

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN PVITòa nhà PVI, Số 01 Phạm Văn Bạch, Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính**

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền	24.259.119.937	24.259.119.937	51.663.776.558	51.663.776.558
Phải thu khách hàng và phải thu khác	901.811.720.506	901.811.720.506	125.819.010.362	125.819.010.362
Đầu tư ngắn hạn	1.037.305.245.744	1.037.305.245.744	1.529.414.056.704	1.541.698.406.704
Đầu tư dài hạn	322.605.999.998	382.945.193.880	151.227.961.429	184.764.225.315
Tổng cộng	2.285.982.086.185	2.346.321.280.067	1.858.124.805.053	1.903.945.418.939
Công nợ tài chính				
Phải trả người bán và phải trả khác	189.459.608.459	189.459.608.459	65.183.021.834	65.183.021.834
Chi phí phải trả	74.406.728.376	74.406.728.376	14.063.730.074	14.063.730.074
Các khoản vay	320.000.000.000	320.000.000.000	530.000.000.000	530.000.000.000
Tổng cộng	583.866.336.835	583.866.336.835	609.246.751.908	609.246.751.908

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định như trình bày tại Thuyết minh số 6.

- Giá trị hợp lý của các khoản mục ngắn hạn gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả ngắn hạn và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ hạn ngắn.

- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không có đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

Tòa nhà PVI, Số 01 Phạm Văn Bạch, Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm/tăng là khoảng 6,4 tỷ đồng (năm 2014 là khoảng 10,6 tỷ đồng).

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu mà Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào công ty con không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được nắm giữ trong dài hạn và sẽ chuyển nhượng khi có điều kiện thuận lợi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ các khoản ủy thác đầu tư và hợp tác đầu tư. Rủi ro tín dụng đã được Ban Tổng Giám đánh giá một cách thận trọng như trình bày tại Thuyết minh số 6 và số 10.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

1001
CÔNG
ÁCH N
DEL
VIỆ
NG S

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có) và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
31/12/2015				
Tiền	24.259.119.937	-	-	24.259.119.937
Phải thu khách hàng và phải thu khác	901.811.720.506	-	-	901.811.720.506
Đầu tư ngắn hạn	1.050.135.440.188	-	-	1.050.135.440.188
Đầu tư dài hạn	-	336.725.444.444	-	336.725.444.444
Tổng cộng	1.976.206.280.631	336.725.444.444	-	2.312.931.725.075
Phải trả người bán và phải trả khác	168.716.690.400	20.742.918.059	-	189.459.608.459
Chi phí phải trả	74.406.728.376	-	-	74.406.728.376
Các khoản vay	35.336.000.000	268.393.920.000	108.268.680.000	411.998.600.000
Tổng cộng	278.459.418.776	289.136.838.059	108.268.680.000	675.864.936.835
Chênh lệch thanh khoản thuần	1.697.746.861.855	47.588.606.385	(108.268.680.000)	1.637.066.788.240
	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
31/12/2014				
Tiền	51.663.776.558	-	-	51.663.776.558
Phải thu khách hàng và phải thu khác	125.819.010.362	-	-	125.819.010.362
Đầu tư ngắn hạn	1.616.678.686.874	-	-	1.616.678.686.874
Đầu tư dài hạn	-	151.227.961.429	-	151.227.961.429
Tổng cộng	1.794.161.473.794	151.227.961.429	-	1.945.389.435.223
Phải trả người bán và phải trả khác	52.435.848.699	12.747.173.135	-	65.183.021.834
Chi phí phải trả	14.063.730.074	-	-	14.063.730.074
Các khoản vay	44.000.000.000	623.482.834.000	-	667.482.834.000
Tổng cộng	110.499.578.773	636.230.007.135	-	746.729.585.908
Chênh lệch thanh khoản thuần	1.683.661.895.021	(485.002.045.706)	-	1.198.659.849.315

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

Tòa nhà PVI, Số 01 Phạm Văn Bạch, Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

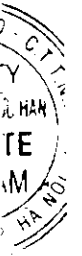
31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần PVI.

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Theo đó, một số chỉ tiêu đầu năm trên Bảng cân đối kế toán đã được phân loại lại cho phù hợp với quy định của Thông tư số 200 như sau:



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN

Đơn vị: VND

32. SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)

Tên chỉ tiêu	Theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC		Theo TT 200/2014/TT-BTC		Thay đổi
	Mã số	31/12/2014	Mã số	31/12/2014	
I. Tài sản					
1. Các khoản tương đương tiền	112	100.000.000.000	112	-	Phân loại lại
2. Đầu tư ngắn hạn	121	1.601.429.767.583	121	129.616.443.765	Phân loại lại và đổi tên
3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	(129.529.969.597)	122	(40.202.387.061)	Phân loại lại và đổi tên
<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>			123	1.440.000.000.000	Phân loại lại và đổi tên
4. Phải thu khách hàng	131	118.435.852.692	131	118.435.852.692	Đổi tên
5. Các khoản phải thu khác	135	53.021.550.150	136	355.643.774.207	Phân loại lại và đổi tên
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	(88.134.133.762)	137	(347.569.077.099)	Phân loại lại
7. Tài sản ngắn hạn khác	158	701.539.438	155	-	Phân loại lại
8. Tài sản dài hạn khác	268	259.638.400	216	259.638.400	Phân loại lại và đổi tên
9. Đầu tư dài hạn khác	258	328.360.970.155	253	158.253.609.354	Phân loại lại và đổi tên
10. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	(269.582.756.825)	254	(99.475.396.024)	Phân loại lại
II. Nguồn vốn					
1. Phải trả người bán	312	2.012.830.383	311	2.012.830.383	Đổi tên
2. Chi phí phải trả	316	14.063.730.074	315	14.063.730.074	Đổi tên
3. Doanh thu chưa thực hiện	338	239.527.539.274	318	17.304.713.419	Phân loại lại và đổi tên
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	50.423.018.316	336	222.222.825.855	Phân loại lại và đổi tên
5. Vay và nợ dài hạn	334	530.000.000.000	319	530.000.000.000	Đổi tên
6. Vốn điều lệ	411	2.342.418.670.000	411	2.342.418.670.000	Đổi tên

[Handwritten signature]
Trần Duy Cường
 Kế toán trưởng

[Handwritten signature]
Lâm Thị Lan Phương
 Người lập biểu

[Handwritten signature]
Trần Văn Thuận
 Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 02 năm 2016

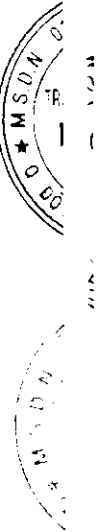
Deloitte

CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 53

COI
+
EL
ME
D

CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

Tòa nhà PVI, Số 01 Phạm Văn Bạch, Cầu Giấy

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Tôn Thiện Việt	Phó Chủ tịch
Ông Bùi Vạn Thuận	Ủy viên
Ông Nguyễn Khuyến Nguồn	Ủy viên
Ông Thanh Danh François Dương	Ủy viên
Ông Ulrich Heinz Wollschlager	Ủy viên
Ông Tung Sing Lau	Ủy viên
Ông Hussain Mohamed Redha Ali	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Bùi Vạn Thuận	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Khắc Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phùng Tuấn Kiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Quốc Lâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Anh Đức	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

2505
G T
PH H
TT
NAM
TP

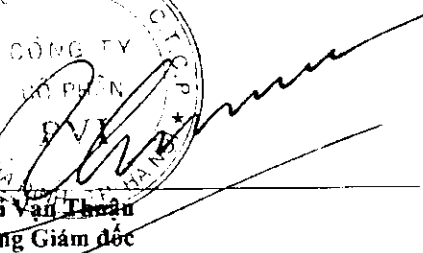
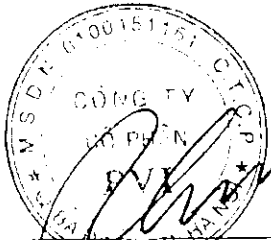
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 02 năm 2016

Số: 516 /VNA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần PVI**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 16 tháng 02 năm 2016, từ trang 06 đến trang 53, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03 và Thuyết minh số 37 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014. Theo đó, một số số liệu so sánh (số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất đã được phân loại lại cho phù hợp với số liệu của năm nay.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0036-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 16 tháng 02 năm 2016
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phạm Ngọc Hải
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2452-2013-001-1

010
C
TRAC
DI
V
TỔNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MÃ SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	
			31/12/2015	(Phân loại lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		12.514.972.728.777	14.007.914.799.013
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	758.738.988.078	793.824.511.746
1. Tiền	111		333.738.988.078	713.824.511.746
2. Các khoản tương đương tiền	112		425.000.000.000	80.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	5.833.067.587.118	6.025.249.056.704
1. Chứng khoán kinh doanh	121		158.392.135.139	129.616.443.765
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(68.044.548.021)	(40.202.387.061)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.742.720.000.000	5.935.835.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.723.479.179.426	6.980.826.602.329
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	4.730.246.042.495	6.809.399.005.259
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	169.838.421.326	160.116.474.490
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	1.342.028.470.328	561.386.099.813
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(518.633.754.723)	(550.074.977.233)
IV. Hàng tồn kho	140		2.457.894.310	2.111.139.320
1. Hàng tồn kho	141		2.457.894.310	2.111.139.320
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		197.229.079.845	205.903.488.914
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15	153.788.546.126	204.062.936.668
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		43.440.533.719	1.840.552.246
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.980.277.086.583	4.322.503.611.894
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		20.054.676.221	33.367.047.784
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	20.054.676.221	33.367.047.784
II. Tài sản cố định	220		277.385.492.820	299.442.531.345
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	216.364.497.915	216.117.044.728
<i>Nguyên giá</i>	222		328.895.243.730	346.342.799.584
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(112.530.745.815)	(130.225.754.856)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	61.020.994.905	83.325.486.617
<i>Nguyên giá</i>	228		118.690.662.723	155.273.976.177
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(57.669.667.818)	(71.948.489.560)
III. Bất động sản đầu tư	230	13	1.567.500.699.881	892.790.999.983
- Nguyên giá	231		1.620.880.414.166	915.980.376.607
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(53.379.714.285)	(23.189.376.624)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	14	-	691.485.288.071
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	691.485.288.071
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	1.067.330.493.363	2.298.748.459.472
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252		333.172.027.732	73.157.256.108
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		568.700.276.773	575.200.276.773
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(114.541.811.142)	(30.903.677.104)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		280.000.000.000	1.681.294.603.695
VI. Tài sản dài hạn khác	260		48.005.724.298	106.669.285.239
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	48.005.724.298	106.669.285.239
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		15.495.249.815.360	18.330.418.410.907

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 53 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

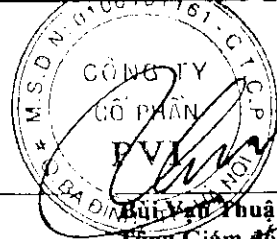
MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	
			31/12/2015	(Phân loại lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		8.761.286.443.885	11.442.921.663.816
I. Nợ ngắn hạn	310		8.361.496.285.383	10.884.884.414.108
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	1.513.912.984.878	1.581.334.210.913
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		155.164.227.025	183.855.300.868
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	50.801.301.767	64.174.063.426
4. Phải trả người lao động	314		70.194.346.440	32.444.188.496
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	75.297.993.929	40.983.957.120
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	22	33.957.998.636	40.417.201.241
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	177.884.825.197	87.334.531.869
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	15.000.000.000	-
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	20	6.237.172.055.057	8.845.678.974.232
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		32.110.552.454	8.661.985.943
II. Nợ dài hạn	330		399.790.158.502	558.037.249.708
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	22	71.722.979.988	13.047.617.929
2. Phải trả dài hạn khác	337	19	20.638.304.676	12.797.924.342
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	305.000.000.000	530.000.000.000
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342	20	2.428.873.838	2.191.707.437
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		6.733.963.371.475	6.887.496.747.091
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	6.733.963.371.475	6.887.496.747.091
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.342.418.670.000	2.342.418.670.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.342.418.670.000	2.342.418.670.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.323.062.514.020	3.323.062.514.020
3. Cổ phiếu quỹ	415		(212.883.100.975)	(162.414.980.975)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		179.211.820.775	179.211.820.775
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		121.923.844.478	107.238.446.440
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		761.177.139.042	401.714.279.684
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		196.735.476.836	173.518.185.379
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		564.441.662.206	228.196.094.305
7. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		219.052.484.135	696.265.997.147
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		15.495.249.815.360	18.330.418.410.907

Lâm Thị Lan Phương
Người lập biểu

Ngày 16 tháng 02 năm 2016

Trần Duy Cường
Kế toán trưởng



Trần Văn Thuận
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 53 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

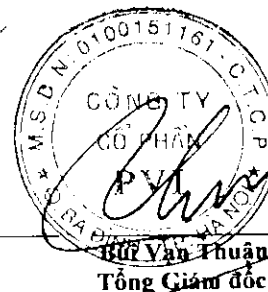
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			2015	2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	8.739.824.385.238	7.312.519.573.195
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	4.192.445.302.952	4.046.128.204.562
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		4.547.379.082.286	3.266.391.368.633
4. Giá vốn hàng bán	11	28	3.922.413.638.461	2.746.213.690.399
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		624.965.443.825	520.177.678.234
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	1.180.985.537.839	699.689.502.934
7. Chi phí tài chính	22	32	361.684.232.763	183.074.367.529
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		34.575.410.000	41.930.299.838
8. Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên kết	24		152.774.163	(8.374.141.764)
9. Chi phí bán hàng	25		69.833.182.184	52.527.916.692
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	665.409.757.330	619.413.279.812
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26))	30		709.176.583.550	356.477.475.371
12. Thu nhập khác	31		2.945.472.613	18.098.439.478
13. Chi phí khác	32		3.665.608.674	13.430.349.648
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(720.136.061)	4.668.089.830
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		708.456.447.489	361.145.565.201
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	132.202.211.318	115.436.239.789
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		576.254.236.171	245.709.325.412
17.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		600.520.069.955	278.751.325.106
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(24.265.833.784)	(33.041.999.694)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	2.548	1.109

Lâm Thị Lan Phương
Người lập biểu

Trần Duy Cường
Kế toán trưởng



Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 02 năm 2016

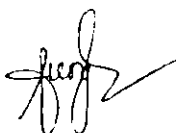
Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 53 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

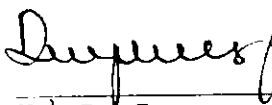
MẪU SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	8.893.749.146.786	6.446.697.371.696
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(6.914.800.156.509)	(4.984.517.670.970)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(431.763.988.446)	(457.950.350.099)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(45.105.145.556)	(59.675.832.524)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản nợ Nhà nước	05	(595.856.602.453)	(600.434.305.075)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	894.365.613.521	958.946.909.609
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1.093.578.437.454)	(1.074.416.361.787)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	707.010.429.889	228.649.760.850
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(47.569.850.460)	(178.256.882.823)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	361.910.111
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(8.043.265.829.735)	(9.807.522.317.766)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	6.994.753.519.149	7.498.914.703.959
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	203.966.650.000	154.560.010.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	575.745.405.793	727.897.199.644
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(316.370.105.253)	(1.604.045.376.875)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	66.500.000.000	-
2. Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(54.938.880.000)	(5.186.920.000)
3. Tiền thu từ đi vay	33	365.000.000.000	273.696.867.391
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	33a	365.000.000.000	273.696.867.391
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(575.000.000.000)	(351.882.863.843)
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	34a	(575.000.000.000)	(351.882.863.843)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(227.286.968.304)	(419.485.831.140)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(425.725.848.304)	(502.858.747.592)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(35.085.523.668)	(1.878.254.363.617)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	793.824.511.746	2.672.078.875.363
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	758.738.988.078	793.824.511.746

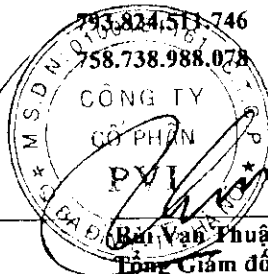


Lâm Thị Lan Phương
Người lập biểu

Ngày 16 tháng 02 năm 2016



Trần Duy Cường
Kế toán trưởng



Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 53 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 42 GP/KDBH ngày 12 tháng 3 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Từ ngày 10 tháng 8 năm 2007, cổ phiếu của Công ty Cổ phần PVI được niêm yết trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

Ngày 28 tháng 6 năm 2011, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy phép kinh doanh số 0100151161 sửa đổi bổ sung lần thứ 12, đổi tên thành Công ty Cổ phần PVI, sửa đổi và bổ sung một số ngành nghề kinh doanh.

Công ty chính thức đi vào hoạt động theo mô hình công ty mẹ, công ty con theo Giấy phép kinh doanh mới từ ngày 01 tháng 8 năm 2011.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 2.201 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 2.290 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty gồm kinh doanh dịch vụ tài chính và kinh doanh bất động sản.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty và các công ty con như sau:

- Hoạt động nắm giữ tài sản;
- Kinh doanh bảo hiểm và tái bảo hiểm;
- Hoạt động dịch vụ tài chính;
- Kinh doanh bất động sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

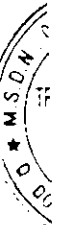
Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 03 tháng 02 năm 2015, Công ty cùng Tổng Công ty Bảo hiểm PVI (công ty con của Công ty) đã góp 32.500.000.000 VND, chiếm 65% vốn điều lệ để thành lập Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI theo Giấy phép số 55/GP-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Ngày 08 tháng 10 năm 2015, Công ty cùng Tổng Công ty Bảo hiểm PVI và Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI (các công ty con của Công ty) đã góp 440.000.000.000 VND để thành lập Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI ("POF") theo Thông báo số 215/TB-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. POF được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI, thời gian hoạt động của POF là 05 năm.

Ngày 12 tháng 11 năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty đã có Quyết định số 307/QĐ-PVI về việc giảm tỷ lệ nắm giữ vốn tại Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life xuống còn 25% vốn điều lệ thông qua việc chuyển nhượng một phần vốn góp tương đương 26% vốn điều lệ cho đối tác Sun Life Assurance Company of Canada. Việc chuyển nhượng 26% vốn điều lệ này đã được các bên hoàn tất trong năm 2015.



CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

Tòa nhà PVI, Số 01 Phạm Văn Bạch, Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 gồm:

- Tổng Công ty Bảo hiểm PVI (PVI Insurance)
- Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI (PVI Re-insurance)
- Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI (PVI AM)

Danh sách các công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 gồm:

- Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life (PVI Sun Life)
- Công ty Cổ phần Đầu tư PV2

Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI (POF): POF được thành lập ngày 08 tháng 10 năm 2015 dưới hình thức quỹ đóng theo Thông báo số 215/TB-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. POF được góp vốn bởi Công ty và các công ty con của Công ty là Tổng Công ty Bảo hiểm PVI và Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI. POF được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI, thời gian hoạt động của POF là 05 năm. Ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Theo đó, một số số liệu so sánh (số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất đã được phân loại lại cho phù hợp với số liệu của năm nay.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

1001
CÔ
ACHA
DEI
VIỆ
1001

CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

Tòa nhà PVI, Số 01 Phạm Văn Bạch, Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN MỚI

Ngày 17 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 194/2014/TT-BTC (“Thông tư 194”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 124/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 45/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm và Nghị định số 123/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm và Thông tư số 125/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài. Thông tư 194 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2015 và áp dụng cho năm tài chính 2015 trở đi.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”.

Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng các Thông tư nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty, báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát và Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI (“POF”) (gọi chung là các “công ty con”) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life (“PVI Sun Life”) được hợp nhất đến thời điểm Công ty Cổ phần PVI hoàn thành thoái một phần vốn đầu tư tại PVI Sun Life để chuyển PVI Sun Life từ công ty con sang công ty liên kết và hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

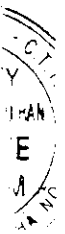
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.



CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

Tòa nhà PVI, Số 01 Phạm Văn Bạch, Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư (không bao gồm đầu tư vào công ty con và công ty liên kết).

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả, dự phòng bồi thường, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

c. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập theo các quy định hiện hành.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được phê duyệt.

112
ĐN
NH
ELC
TET
/ 02

CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

Tòa nhà PVI, Số 01 Phạm Văn Bạch, Cầu Giấy

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm 2015</u>
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 40
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm kế toán, phần mềm quản lý và bản quyền các phần mềm khác (gọi chung là “phần mềm máy tính”) và quyền sử dụng đất.

Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không khấu hao theo quy định hiện hành.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà văn phòng do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và nhà dự án do Công ty nắm giữ chờ tăng giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 39,5 năm. Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chênh lệch đánh giá lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa và các khoản chi phí trả trước khác.

Chênh lệch đánh giá lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa

Ngày 20 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 203/2009/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định cho các doanh nghiệp được thành lập và hoạt động tại Việt Nam (được thay thế bằng Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và có hiệu lực từ ngày 10 tháng 6 năm 2013). Theo đó, “Các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo phương pháp dòng tiền chiết khấu (DCF) thì phần chênh lệch tăng của vốn Nhà nước giữa giá trị thực tế và giá trị ghi trên sổ sách kế toán không được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh nhưng thời gian không quá 10 năm. Thời điểm bắt đầu phân bổ vào chi phí là thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)”. Thông tư số 203/2009/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đã được Công ty áp dụng để ghi nhận phần chênh lệch giữa giá trị thực tế của phần vốn Nhà nước tại ngày 31 tháng 12 năm 2005 (thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa) với giá trị ghi sổ là 213.785.395.213 VND sang Chi phí trả trước dài hạn và phân bổ đều vào chi phí trong vòng 8 năm kể từ năm 2009.

CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

Tòa nhà PVI, Số 01 Phạm Văn Bạch, Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí trả trước (Tiếp theo)

Chênh lệch đánh giá lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa (Tiếp theo)

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC, khoản chênh lệch đánh giá lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa được phân bổ vào chi phí tối đa không quá 3 năm. Phần giá trị chênh lệch đánh giá lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa chưa phân bổ hết tại ngày 01 tháng 01 năm 2015 được Công ty xác định sẽ phân bổ vào chi phí trong thời gian 2 năm tiếp theo.

Các khoản chi phí trả trước khác

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính không được dùng để chia cho cổ đông.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong năm, do không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào nên Công ty không phản ánh khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào trên báo cáo tài chính hợp nhất này.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi vào vốn chủ sở hữu khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phân hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B09-DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các quỹ tại doanh nghiệp

Toàn bộ phần lợi nhuận được sử dụng để trả cổ tức cho các cổ đông, trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, trích Quỹ thưởng ban điều hành và các quỹ khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tỷ lệ phân phối cho từng khoản mục trên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Hội đồng Quản trị. Tuy nhiên, theo Điều lệ của Công ty, Hội đồng Quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa năm nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

Chính sách kế toán một số nghiệp vụ đặc thù của hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Công ty đã thực hiện việc trích lập dự phòng nghiệp vụ theo quy định tại Điều 96 Luật Kinh doanh Bảo hiểm và Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ và Thông tư số 125/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2012, theo đó:

Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ

Dự phòng phí:

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty thực hiện thay đổi phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhượng tái bảo hiểm tương ứng đối với nghiệp vụ bảo hiểm năng lượng. Việc thay đổi này đã được phê duyệt bởi Bộ Tài chính theo Công văn số 1861/BTC-QLB11 ngày 05 tháng 02 năm 2015. Theo đó, việc trích lập dự phòng phí của Công ty áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 trở đi được thực hiện như sau:

+ Đối với nghiệp vụ bảo hiểm năng lượng: Dự phòng phí trích lập theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm (phương pháp trích lập dự phòng phí theo từng ngày) theo quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2012. Cụ thể:

$$\begin{array}{l} \text{Dự phòng phí bảo} \\ \text{hiểm gốc/ nhận/} \\ \text{nhượng tái} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Phí bảo hiểm gốc/ nhận/} \\ \text{nhượng tái ghi nhận lũy} \\ \text{kế đến thời điểm cuối kỳ} \end{array} \cdot \begin{array}{l} \text{Tổng phí bảo hiểm} \\ \text{gốc/ nhận/ nhượng} \\ \text{tái của đơn} \end{array} \times \frac{\begin{array}{l} \text{Số ngày được hưởng} \\ \text{Tổng số ngày được bảo hiểm} \end{array}}$$

CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

Tòa nhà PVI, Số 01 Phạm Văn Bạch, Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phân hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chính sách kế toán một số nghiệp vụ đặc thù của hoạt động kinh doanh bảo hiểm (Tiếp theo)

Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ (Tiếp theo)

Dự phòng phí (Tiếp theo):

Nếu việc trích lập dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhượng tái bảo hiểm tương ứng đối với nghiệp vụ bảo hiểm năng lượng vẫn được thực hiện theo phương pháp đã áp dụng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 thì dự phòng phí bảo hiểm thuần của phí gốc và nhượng tái bảo hiểm tương ứng của nghiệp vụ bảo hiểm năng lượng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ tăng khoảng 130 tỷ đồng.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thận trọng xem xét và đánh giá ảnh hưởng của việc thay đổi phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm đối với nghiệp vụ bảo hiểm năng lượng so với phương pháp áp dụng cho từ năm 2014 trở về trước và tin tưởng rằng việc thay đổi này sẽ phản ánh chính xác hơn dự phòng phí bảo hiểm đối với nghiệp vụ bảo hiểm năng lượng của Công ty.

+ Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm khác: Dự phòng phí gốc và nhận tái bảo hiểm được tính trên phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm và được trích lập theo phương pháp 1/24. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm được tính trên phí nhượng tái bảo hiểm và được trích lập theo phương pháp 1/24.

Riêng đối với nghiệp vụ bảo hiểm hàng hóa vận chuyển bằng đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt và đường hàng không tại Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI (công ty con của Công ty), dự phòng phí nhận tái bảo hiểm và dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm được trích lập theo tỷ lệ 25%.

Dự phòng bồi thường: Đối với các tổn thất đã phát sinh và đã nhận được thông báo, bao gồm cả nghiệp vụ bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, Công ty thực hiện trích lập dự phòng bồi thường gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo phương pháp từng hồ sơ, dựa trên mức trách nhiệm đối với các tổn thất đã xảy ra và đã nhận được thông báo. Các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo từ khách hàng, dự phòng bồi thường được trích lập dựa trên thống kê dữ liệu quá khứ.

Dự phòng dao động lớn: Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 về Hợp đồng bảo hiểm, các tổn thất chưa phát sinh và không tồn tại tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất (bao gồm cả dự phòng dao động lớn) thì không cần thiết phải trích lập dự phòng. Tuy nhiên, Công ty thực hiện chính sách dự phòng theo quy định nêu trên của Bộ Tài chính, dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với tất cả các loại hình nghiệp vụ là 3% phí giữ lại trong năm.

Công ty không được bù trừ các khoản dự phòng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm với dự phòng cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm. Các khoản dự phòng này phải được trình bày riêng biệt trên các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán, trong đó các khoản dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả; Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm (trên báo cáo hợp nhất này được theo dõi trên khoản mục "Phải thu khách hàng").

112
ÔNG
NHIE
LO
ET
DA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B09-DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chính sách kế toán một số nghiệp vụ đặc thù của hoạt động kinh doanh bảo hiểm (Tiếp theo)

Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ

Dự phòng toán học: Dự phòng toán học được xác định theo phương pháp phí bảo hiểm thuần hoặc phí bảo hiểm toàn phần được xác định riêng cho từng loại sản phẩm bảo hiểm và được dựa trên cơ sở các giả định, phương pháp đã được Công ty đăng ký và phê duyệt bởi Bộ Tài chính.

Dự phòng phí chưa được hưởng: Dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập đối với doanh thu phí bảo hiểm cho giai đoạn sau ngày kết thúc kỳ kế toán đã được ghi nhận trong kỳ. Dự phòng phí chưa được hưởng được Công ty trích lập đối với tất cả các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn dưới 01 năm.

Dự phòng bồi thường: Dự phòng bồi thường được trích lập theo phương pháp tổng hợp các khiếu nại hoặc tổn thất đã phát sinh nhưng chưa giải quyết tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng đảm bảo cân đối: Dự phòng đảm bảo cân đối được trích lập hàng kỳ là một (01) phần trăm từ lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, được trích lập hàng kỳ cho đến khi khoản dự phòng này bằng năm (05) phần trăm phí bảo hiểm thu được trong năm tài chính của doanh nghiệp.

Dự phòng kỹ thuật đối với sản phẩm bảo hiểm liên kết chung và bảo hiểm hưu trí tự nguyện:

- Dự phòng rủi ro bảo hiểm được trích lập là số lớn hơn giữa mức dự phòng tính theo phương pháp phí chưa được hưởng hoặc dự phòng tính theo phương pháp dòng tiền để đáp ứng được tất cả các khoản chi phí trong tương lai trong suốt thời hạn của hợp đồng bảo hiểm.
- Dự phòng bồi thường được trích lập cho từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm phải trả cho từng hồ sơ đã yêu cầu đòi bồi thường doanh nghiệp bảo hiểm nhưng đến cuối kỳ kế toán chưa được giải quyết.
- Dự phòng nghiệp vụ đối với phần liên kết chung là giá trị hoàn lại của hợp đồng trong quỹ liên kết chung. Giá trị hoàn lại của hợp đồng bảo hiểm liên kết chung phải bảo đảm các cam kết tại hợp đồng bảo hiểm.
- Dự phòng bảo đảm khả năng thanh toán bổ sung được dùng để bảo đảm cam kết của doanh nghiệp đối với khách hàng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm khi thị trường đầu tư có biến động lớn.

Ghi nhận doanh thu

Đối với nghiệp vụ bảo hiểm gốc phi nhân thọ

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2012 và Thông tư số 194/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 17 tháng 12 năm 2014 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 125/2012/TT-BTC nêu trên. Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng các điều kiện sau: (1) hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm; (2) hợp đồng bảo hiểm đã có hiệu lực và (3) bên mua bảo hiểm đã trả phí bảo hiểm hoặc trong thời gian cho nợ phí theo quy định (tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực). Việc ghi nhận này cũng được áp dụng cho ghi nhận doanh thu phí bảo hiểm của kỳ đóng phí đầu tiên đối với trường hợp đóng phí bảo hiểm theo kỳ, các kỳ tiếp theo chỉ ghi nhận doanh thu khi khách hàng đã đóng đủ phí theo thỏa thuận Hợp đồng.

22.
TY
TTH
VAN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chính sách kế toán một số nghiệp vụ đặc thù của hoạt động kinh doanh bảo hiểm (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Đối với nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ

Doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ bao gồm phí bảo hiểm đóng một lần và phí bảo hiểm đóng định kỳ được ghi nhận trên cơ sở phát sinh, phí bảo hiểm chưa thu được ghi nhận là doanh thu trong giai đoạn nợ phí cho phép theo hợp đồng hoặc khi được bảo đảm bằng giá trị giải ước của hợp đồng. Các khoản phí bảo hiểm chưa đến hạn nhưng lại được thu trước ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận như “Phí bảo hiểm ứng trước” và được bao gồm trong chỉ tiêu “Các khoản phải trả, phải nộp khác” trên Bảng cân đối kế toán.

Tổng phí thu được từ các hợp đồng bảo hiểm liên kết chung được ghi nhận là doanh thu. Giá trị quỹ liên kết chung của bên mua bảo hiểm được tính toán bởi chuyên gia tính toán và được ghi nhận tại chỉ tiêu “Dự phòng nghiệp vụ” trên Bảng cân đối kế toán. Phí bảo hiểm từ các hợp đồng bảo hiểm liên kết chung được ghi nhận riêng biệt cho doanh thu của Quỹ đầu tư bảo hiểm liên kết chung (cho mục đích đầu tư) và Quỹ bảo hiểm liên kết chung chính (cho mục đích bảo hiểm).

Đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh trách nhiệm, theo số phát sinh dựa trên bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho Công ty và được xác nhận bởi Công ty. Công ty ghi nhận phí nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở số phí phải nhượng cho các nhà tái bảo hiểm, tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm gốc đã ghi nhận trong năm.

Trong năm, hoa hồng và các khoản thu khác từ hoạt động tái bảo hiểm được ghi nhận khi thực tế phát sinh. Cuối năm tài chính, Công ty phải xác định doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng tương ứng với khoản phí nhượng tái bảo hiểm chưa được ghi nhận trong năm để chuyển sang phân bổ vào các năm tài chính sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí tương ứng.

Chi phí

Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi Công ty chấp thuận bồi thường theo thông báo bồi thường. Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Công ty và Công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong năm và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm được ghi nhận tương ứng với phí bảo hiểm gốc và phí bảo hiểm nhận tái phát sinh trong năm. Trong năm, toàn bộ chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm theo hợp đồng nhận tái bảo hiểm đã giao kết theo quy định của chế độ tài chính được phản ánh vào khoản mục “Chi phí hoa hồng bảo hiểm gốc” và “Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm”.

Cuối năm tài chính, Công ty phải xác định chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được tính vào chi phí năm nay tương ứng với phí nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng để chuyển sang phân bổ vào các năm tài chính sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí tương ứng.

Chi giải quyết quyền lợi bảo hiểm nhân thọ bao gồm chi đáo hạn hợp đồng, chi giải ước hợp đồng trước hạn, và chi trả tiền bồi thường bảo hiểm. Các khoản chi phí này được ghi nhận trên cơ sở các hồ sơ giải quyết quyền lợi bảo hiểm được phê duyệt bởi Công ty.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chính sách kế toán một số nghiệp vụ đặc thù của hoạt động kinh doanh bảo hiểm (Tiếp theo)

Quỹ dự trữ bắt buộc

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế của các công ty bảo hiểm với tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% mức vốn điều lệ của các công ty này. Quỹ dự trữ bắt buộc được phản ánh vào khoản mục “Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	1.701.011.844	2.198.521.313
Tiền gửi ngân hàng	331.991.976.234	711.585.990.433
Tiền đang chuyển	46.000.000	40.000.000
Các khoản tương đương tiền (i)	425.000.000.000	80.000.000.000
	<u>758.738.988.078</u>	<u>793.824.511.746</u>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh tiền gửi tại các tổ chức tín dụng trong nước có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃ SỐ B09-DN/HN

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2015		31/12/2014		Dự phòng VND	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND		Giá trị hợp lý VND
a) Chứng khoán kinh doanh	158.392.135.139	90.925.209.744	(68.044.548.021)	129.616.443.765	101.698.406.704	(40.202.387.061)
- Tổng giá trị cổ phiếu	158.392.135.139	90.925.209.744	(68.044.548.021)	129.616.443.765	101.698.406.704	(40.202.387.061)
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.022.720.000.000	6.022.720.000.000	-	7.617.129.603.695	7.617.129.603.695	-
<i>b1) Ngân hàng</i>	5.742.720.000.000	5.742.720.000.000	-	5.935.835.000.000	5.935.835.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (i)	5.292.720.000.000	5.292.720.000.000	-	5.335.835.000.000	5.335.835.000.000	-
- Các khoản đầu tư khác	450.000.000.000	450.000.000.000	-	600.000.000.000	600.000.000.000	-
+ <i>Hợp tác đầu tư bất động sản (ii)</i>	450.000.000.000	450.000.000.000	-	600.000.000.000	600.000.000.000	-
<i>b2) Dài hạn</i>	280.000.000.000	280.000.000.000	-	1.681.294.603.695	1.681.294.603.695	-
- Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn (i)	270.000.000.000	270.000.000.000	-	841.600.000.000	841.600.000.000	-
- Trái phiếu (iii)	10.000.000.000	10.000.000.000	-	839.694.603.695	839.694.603.695	-
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	901.872.304.505	844.407.857.923	(114.541.811.142)	648.357.532.881	653.262.919.924	(30.903.677.104)
- Đầu tư vào công ty liên kết	333.172.027.732	333.172.027.732	-	73.157.256.108	73.157.256.108	-
+ Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life (iv)	259.912.738.666	259.912.738.666	-	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	73.259.289.066	73.259.289.066	-	73.157.256.108	73.157.256.108	-
- Đầu tư vào đơn vị khác (v)	568.700.276.773	511.235.830.191	(114.541.811.142)	575.200.276.773	580.105.663.816	(30.903.677.104)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

- (i) Tiền gửi có kỳ hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo (ghi nhận là đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn) và có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo (ghi nhận là đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn) tại các tổ chức tín dụng trong nước.
- (ii) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư bất động sản, Công ty góp vốn với đối tác để đầu tư vào các dự án kinh doanh bất động sản, Công ty được hưởng lãi suất cố định và không chịu rủi ro đầu tư. Công ty nhận thế chấp các tài sản là bất động sản đã được định giá bởi công ty có chức năng định giá. Ban Tổng Giám đốc đã thận trọng đánh giá giá trị của tài sản đảm bảo và tin tưởng rằng giá trị của tài sản đảm bảo chắc chắn lớn hơn giá trị của khoản đầu tư.
- (iii) Thể hiện khoản đầu tư vào trái phiếu Kho bạc Nhà nước với giá gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 10.000.000.000 đồng, ngày đáo hạn là 27 tháng 02 năm 2019 với lãi suất là 9,4%/năm.
- (iv) Ngày 12 tháng 11 năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty đã có Quyết định số 307/QĐ-PVI về việc giảm tỷ lệ nắm giữ vốn tại Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life (“PVI Sun Life”) xuống còn 25% vốn điều lệ thông qua việc chuyển nhượng một phần vốn góp với giá trị 312.000.000.000 đồng, tương đương 26% vốn điều lệ cho đối tác SunLife Assurance Company of Canada. Việc chuyển nhượng 26% vốn điều lệ này đã được các bên hoàn tất trong năm 2015 và Công ty đã phân loại lại giá trị còn lại khoản đầu tư vào PVI Sun Life tương ứng với 25% vốn điều lệ sang khoản mục “Đầu tư vào công ty liên kết”.
- (v) Thể hiện khoản góp vốn vào các công ty với thời hạn nắm giữ trên 1 năm.

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	Hà Nội	100	100	Bảo hiểm phi nhân thọ
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI	Hà Nội	68,86	73,11	Tái bảo hiểm
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ PVI	Hà Nội	35	65	Quản lý quỹ đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết về Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI (“POF”):

POF được thành lập ngày 08 tháng 10 năm 2015 dưới hình thức quỹ đóng theo Thông báo số 215/TB-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. POF được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI, thời gian hoạt động của POF là 05 năm. Ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành.

Tổng số vốn của POF tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 440.000.000.000 đồng, được góp bởi các bên như sau:

	Số vốn góp VND	Tỷ lệ góp vốn %
Công ty Cổ phần PVI	100.000.000.000	22,73
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	250.000.000.000	56,82
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI	90.000.000.000	20,45
	440.000.000.000	100

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

<u>Tên công ty liên kết</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu (theo vốn thực góp) %</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	Tp. Hà Nội	32,1	32,1	Kinh doanh bất động sản và đầu tư tài chính
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI SunLife	Tp. Hồ Chí Minh	25	25	Bảo hiểm nhân thọ

Thông tin tài chính tóm tắt về đầu tư vào các công ty liên kết của Công ty như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	73.157.256.108	199.045.745.661
Biến động đầu tư vào các công ty liên kết trong năm	-	(104.676.596.676)
Phản lãi/(lỗ) từ đầu tư vào công ty liên kết	152.774.163	(8.374.141.764)
Tăng khoản đầu tư vào công ty liên kết trong năm	259.912.738.666	
Ảnh hưởng từ việc thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty liên kết	-	(12.837.751.113)
Khác	(50.741.205)	-
Số dư cuối năm	333.172.027.732	73.157.256.108

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B09-DN/HN

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính được xác định như sau:

- Giá trị hợp lý của các khoản chứng khoán kinh doanh có giao dịch tích cực trên thị trường tài chính được xác định theo giá công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Với các khoản chứng khoán kinh doanh không có thị trường tích cực, giá trị hợp lý được xác định bằng các phương pháp định giá phù hợp gồm: phương pháp so sánh với các chứng khoán kinh doanh tương đồng có giá thị trường và phương pháp giá trị tài sản ròng.

- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn dài hạn được xác định theo phương pháp giá trị tài sản ròng căn cứ vào báo cáo tài chính của đơn vị nhận đầu tư.

- Giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi ngắn hạn được xác định bằng giá trị ghi sổ.

- Đối với khoản đầu tư khác không có đủ thông tin trên thị trường để xác định giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

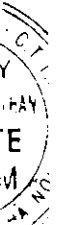
7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Phải thu về hoạt động bảo hiểm gốc	291.093.753.940	492.845.747.662
Phải thu về hoạt động nhận tái bảo hiểm	128.548.121.855	178.524.969.146
Phải thu về hoạt động nhượng tái bảo hiểm	493.060.695.942	398.642.228.591
Phải thu liên quan đến tài sản tái bảo hiểm	3.535.354.539.837	5.324.016.641.804
Phải thu về hoạt động tài chính	263.550.855.917	406.733.863.462
Phải thu về hoạt động kinh doanh phi bảo hiểm	18.638.075.004	1.848.909.840
Các khoản phải thu khác của khách hàng	-	6.786.644.754
	<u>4.730.246.042.495</u>	<u>6.809.399.005.259</u>

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Cơ quan Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	172.995.917
Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	58.140.350.626	60.386.167.246



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃU SỐ B09-DN/HN

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Trả trước theo hợp đồng mua căn hộ	97.586.016.147	96.191.095.147
Trả trước khác	72.252.405.179	63.925.379.343
	<u>169.838.421.326</u>	<u>160.116.474.490</u>

9. PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.342.028.470.328	561.386.099.813
- Tạm ứng cho người lao động	30.447.062.132	30.480.564.806
- Ký cược, ký quỹ	1.738.387.346	1.870.119.012
- Phải thu về chuyển nhượng vốn góp (i)	780.000.000.000	-
- Phải thu khác (ii)	529.843.020.850	529.035.415.995
b) Dài hạn	20.054.676.221	33.367.047.784
- Ký cược, ký quỹ	20.054.676.221	33.367.047.784

(i) Như đã trình bày tại Thuyết minh số 6, trong năm Công ty đã thực hiện chuyển nhượng một phần vốn góp tương đương 26% vốn điều lệ của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life với giá chuyển nhượng 780 tỷ đồng và chưa thu được tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2015. Số tiền này đã được bên mua thanh toán vào ngày 07 tháng 01 năm 2016.

(ii) Các khoản phải thu khác ngắn hạn chủ yếu bao gồm các hợp đồng hợp tác đầu tư, ủy thác đầu tư, trái phiếu doanh nghiệp đã quá hạn thu hồi theo hợp đồng được Công ty phân loại lại và chuyển sang theo dõi như khoản phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN PVI
Tòa nhà PVI, Số 01 Phạm Văn Bạch, Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃU SỐ B09-DN/HN

10. NỢ XẤU

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND

- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	719.988.518.302	201.354.763.579	(518.633.754.723)	788.984.906.694	238.909.929.461	(550.074.977.233)
---	-----------------	-----------------	-------------------	-----------------	-----------------	-------------------

- Không có khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm,...theo hợp đồng phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu.
- Một số khoản nợ xấu của Công ty có khả năng thu hồi các thấp do đối tác của Công ty đều gặp khó khăn về tài chính hoặc trong tình trạng phá sản.
- Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng đã trích lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2015	112.418.984.213	63.917.435.263	170.006.380.108	346.342.799.584
Tăng trong năm	18.437.755.813	8.475.155.454	47.602.609.295	74.515.520.562
Thanh lý trong năm	-	(2.397.157.938)	(955.211.742)	(3.352.369.680)
Giảm do thoái vốn tại Công ty con	-	(6.025.780.000)	(82.018.889.529)	(88.044.669.529)
Giảm trong năm	-	-	(566.037.207)	(566.037.207)
Tại ngày 31/12/2015	<u>130.856.740.026</u>	<u>63.969.652.779</u>	<u>134.068.850.925</u>	<u>328.895.243.730</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2015	18.074.605.929	39.984.717.717	72.166.431.210	130.225.754.856
Trích khấu hao	3.464.158.935	7.422.121.550	38.447.887.266	49.334.167.751
Tăng khác	-	-	41.814.275	41.814.275
Thanh lý trong năm	-	(1.508.067.039)	(930.332.991)	(2.438.400.030)
Giảm do thoái vốn tại Công ty con	-	(2.377.017.474)	(61.589.691.496)	(63.966.708.970)
Giảm trong năm	-	-	(665.882.067)	(665.882.067)
Tại ngày 31/12/2015	<u>21.538.764.864</u>	<u>43.521.754.754</u>	<u>47.470.226.197</u>	<u>112.530.745.815</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2015	<u>109.317.975.162</u>	<u>20.447.898.025</u>	<u>86.598.624.728</u>	<u>216.364.497.915</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>94.344.378.284</u>	<u>23.932.717.546</u>	<u>97.839.948.898</u>	<u>216.117.044.728</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 21, Công ty sử dụng bất động sản là tòa nhà văn phòng PVI tại phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội để đảm bảo cho khoản tiền vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 48.937.265.300 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 49.486.337.216 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phản mềm máy tính VND	Quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	127.692.110.837	27.581.865.340	155.273.976.177
Tăng trong năm	27.316.976.000	-	27.316.976.000
Giảm do thoái vốn tại Công ty con	(63.900.289.454)	-	(63.900.289.454)
Tại ngày 31/12/2015	91.108.797.383	27.581.865.340	118.690.662.723
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	71.948.489.560	-	71.948.489.560
Trích khấu hao trong năm	34.882.042.529	639.845.139	35.521.887.668
Giảm do thoái vốn tại Công ty con	(49.800.709.410)	-	(49.800.709.410)
Tại ngày 31/12/2015	57.029.822.679	639.845.139	57.669.667.818
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2015	34.078.974.704	26.942.020.201	61.020.994.905
Tại ngày 31/12/2014	55.743.621.277	27.581.865.340	83.325.486.617

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 37.600.481.382 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 25.693.481.382 đồng).

13. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	31/12/2014	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
a) Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	915.980.376.607	285.990.651.321	-	1.201.971.027.928
- Nhà và quyền sử dụng đất (i)	915.980.376.607	285.990.651.321	-	1.201.971.027.928
Giá trị hao mòn lũy kế	23.189.376.624	30.190.337.661	-	53.379.714.285
- Nhà và quyền sử dụng đất (i)	23.189.376.624	30.190.337.661	-	53.379.714.285
Giá trị còn lại	892.790.999.983	255.800.313.660	-	1.148.591.313.643
- Nhà và quyền sử dụng đất (i)	892.790.999.983	255.800.313.660	-	1.148.591.313.643
b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá				
Nguyên giá	-	418.909.386.238	-	418.909.386.238
- Nhà (ii)	-	418.909.386.238	-	418.909.386.238
Tổn thất do suy giảm giá trị	-	-	-	-
- Nhà (ii)	-	-	-	-
Giá trị còn lại	-	418.909.386.238	-	418.909.386.238
- Nhà (ii)	-	418.909.386.238	-	418.909.386.238

CÔNG TY CỔ PHẦN PVITòa nhà PVI, Số 01 Phạm Văn Bạch, Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***13. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (Tiếp theo)**

- (i) Bất động sản đầu tư dùng để cho thuê thể hiện phần giá trị của Tòa nhà PVI tương ứng với phần khối lượng đã hoàn thành và cho thuê được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 39,5 năm. Nguyên giá của tòa nhà này có thể thay đổi sau khi quyết toán giá trị công trình.
- (ii) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá thể hiện giá trị các căn hộ tại dự án Costa Nha Trang mà Công ty đã nhận chuyển nhượng và bàn giao tài sản từ Công ty Cổ phần TD và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Quốc tế Nhà Việt, tương ứng với giá trị hợp đồng ủy thác kinh doanh vốn có chi định mục đích với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Quốc tế Nhà Việt. Đây là các căn hộ nắm giữ với mục đích chờ tăng giá nên Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với các bất động sản đầu tư này.

Như trình bày tại Thuyết minh số 21, Công ty sử dụng bất động sản là tòa nhà văn phòng PVI tại phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội để đảm bảo cho khoản tiền vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

14. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang				
- Xây dựng cơ bản dở dang	-	-	691.485.288.071	691.485.288.071
+ Dự án tòa nhà văn phòng PVI Tower tại Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	-	-	257.816.082.102	257.816.082.102
+ Dự án Costa Nha Trang (i)	-	-	432.372.089.700	432.372.089.700
+ Khác	-	-	1.297.116.269	1.297.116.269
	-	-	691.485.288.071	691.485.288.071

(i) Xem Thuyết minh số 13.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	153.788.546.126	204.062.936.668
- Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	137.576.250.842	162.231.290.833
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	16.212.295.284	41.831.645.835
b) Dài hạn	48.005.724.298	106.669.285.239
- Chi phí cổ phần hóa	26.723.174.402	53.446.348.803
- Chi phí trả trước dài hạn khác	21.282.549.896	53.222.936.436
	<u>201.794.270.424</u>	<u>310.732.221.907</u>

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

a) Các khoản phải trả người bán

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc	332.327.121.645	198.718.886.975
Phải trả về hoạt động nhận tái bảo hiểm	233.700.910.732	130.963.620.497
Phải trả về hoạt động nhượng tái bảo hiểm	903.929.115.396	1.106.896.536.914
Các khoản phải trả khác cho người bán	43.955.837.105	144.755.166.527
	<u>1.513.912.984.878</u>	<u>1.581.334.210.913</u>

b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Cơ quan Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	3.721.959	34.104.018
Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	70.689.211.257	2.728.368.107

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>Phát sinh trong năm</u>			
	<u>31/12/2014</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	20.164.459.954	401.835.734.968	416.242.817.410	5.757.377.512
Thuế thu nhập doanh nghiệp	35.164.210.686	132.202.211.318	131.538.839.423	35.827.582.581
Thuế môn bài	-	55.000.000	55.000.000	-
Thuế, phí phải nộp khác	8.845.392.786	48.390.894.508	48.019.945.620	9.216.341.674
	<u>64.174.063.426</u>	<u>582.483.840.794</u>	<u>595.856.602.453</u>	<u>50.801.301.767</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Lãi vay dự trả	2.520.000.000	13.049.735.556
- Phải trả xây dựng tòa nhà PVI	64.368.531.150	-
- Khác	8.409.462.779	27.934.221.564
	<u>75.297.993.929</u>	<u>40.983.957.120</u>

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn;	2.132.620.439	6.480.192.575
- Bảo hiểm xã hội;	(4.131.676)	(384.724.487)
- Bảo hiểm y tế;	4.453.555	2.479.402
- Bảo hiểm thất nghiệp;	42.635.812	5.546.878
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn;	(111.659.610)	1.264.587.500
- Các khoản phải trả, phải nộp khác.	175.820.906.677	79.966.450.001
	<u>177.884.825.197</u>	<u>87.334.531.869</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	20.638.304.676	12.797.924.342
	<u>20.638.304.676</u>	<u>12.797.924.342</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty không có khoản nợ quá hạn nào chưa thanh toán.

20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

a) Ngắn hạn

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ		
- Dự phòng phí	2.964.155.465.687	3.115.100.056.079
- Dự phòng bồi thường	3.148.478.796.871	4.447.506.769.257
- Dự phòng dao động lớn	124.537.792.499	123.066.404.144
Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ		
- Dự phòng toán học	-	14.108.567.536
- Dự phòng kỹ thuật cho sản phẩm bảo hiểm liên kết	-	974.216.436.675
- Dự phòng kỹ thuật cho sản phẩm hưu trí	-	171.183.569.517
- Dự phòng bảo đảm cân đối	-	497.171.024
	<u>6.237.172.055.057</u>	<u>8.845.678.974.232</u>

b) Dài hạn

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Dự phòng phải trả dài hạn khác	2.428.873.838	2.191.707.437
	<u>2.428.873.838</u>	<u>2.191.707.437</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PVI
Tòa nhà PVI, Số 01 Phạm Văn Bạch, Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	31/12/2015		Trong năm		31/12/2014	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (i)	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-	-
Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (ii)	305.000.000.000	305.000.000.000	360.000.000.000	55.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (i)	320.000.000.000	320.000.000.000	375.000.000.000	58.500.000.000	530.000.000.000	530.000.000.000
	320.000.000.000	320.000.000.000	375.000.000.000	58.500.000.000	530.000.000.000	530.000.000.000

(i) Thẻ hiện khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam ("VIB") theo Hợp đồng vay dài hạn số 01/2015/VIB-PVI ký ngày 25 tháng 11 năm 2015 với số tiền 360.000.000.000 đồng. Tài sản đảm bảo của khoản vay là tòa nhà văn phòng PVI tại phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Nợ gốc vay sẽ được trả 14 lần theo kỳ hạn 6 tháng/kỳ bắt đầu vào ngày đầu tiên sau 6 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Số tiền phải trả kỳ 1 đến kỳ 13 là 25.700.000.000 đồng, dư nợ gốc còn lại trả vào kỳ cuối của khoản vay. Lãi suất vay có định trong 3 tháng đầu kể từ ngày rút vốn đầu tiên, sau đó được điều chỉnh 3 tháng/lần bằng lãi suất huy động VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ do VIB công bố cộng biên độ 1,0%/năm. Số dư gốc vay phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 320.000.000.000 đồng. Ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 28 tháng 01 năm 2016, Công ty đã thực hiện trả trước nợ gốc vay với số tiền lần lượt là 40.000.000.000 đồng và 15.000.000.000 đồng, cao hơn số nợ gốc vay phải trả trong năm 2015 theo lịch trả nợ. Do đó, Công ty thực hiện phân loại 15 tỷ đồng sang khoản mục nợ dài hạn trả tương ứng với số nợ gốc vay đã thanh toán vào ngày 28 tháng 01 năm 2016.

(ii) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) bao gồm 02 khoản:

a) Ngày 21 tháng 8 năm 2012, Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) - Chi nhánh Long Biên với số tiền 500.000.000.000 đồng. Công ty sử dụng bất động sản hình thành từ vốn vay là tòa nhà văn phòng PVI tại phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội để đảm bảo cho khoản vay này.

Ngày 28 tháng 3 năm 2014, Công ty và Eximbank đã ký sửa đổi, bổ sung về việc ân hạn khoản vay, theo đó phần nợ gốc còn lại sẽ được trả đều làm 6 kỳ, mỗi kỳ 72.700.000.000 đồng bắt đầu từ ngày 18 tháng 9 năm 2016. Lãi suất vay có định trong 6 tháng đầu kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2014 là 8,3%/năm, sau đó được điều chỉnh 6 tháng/lần bằng lãi suất huy động VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ do Eximbank công bố cộng biên độ 1,0%/năm. Công ty đã tất toán khoản vay này vào ngày 27 tháng 11 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

- b) Ngày 28 tháng 12 năm 2013, Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) - Chi nhánh Long Biên với số tiền 127.397.110.500 đồng. Công ty sử dụng bất động sản hình thành từ vốn vay là tòa nhà văn phòng PVI tại phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội để đảm bảo cho khoản vay này.

Ngày 28 tháng 3 năm 2014, Công ty và Eximbank đã ký sửa đổi, bổ sung về việc ân hạn khoản vay, theo đó phần nợ gốc còn lại sẽ được trả đều làm 6 kỳ, mỗi kỳ 21.232.851.750 đồng bắt đầu từ ngày 18 tháng 9 năm 2016. Lãi suất vay cố định trong 6 tháng đầu kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2014 là 8,3%/năm, sau đó được điều chỉnh 6 tháng/lần bằng lãi suất huy động VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ do Eximbank công bố cộng biên độ 1,0%/năm. Công ty đã tất toán khoản vay này vào ngày 31 tháng 7 năm 2015.

Khoản vay dài hạn này được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	15.000.000.000	-
Trong năm thứ hai	51.400.000.000	66.500.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	154.200.000.000	463.500.000.000
Sau năm năm	99.400.000.000	-
	<u>320.000.000.000</u>	<u>530.000.000.000</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	15.000.000.000	-
Số phải trả sau 12 tháng	<u>305.000.000.000</u>	<u>530.000.000.000</u>

22. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Doanh thu nhận trước	33.957.998.636	40.417.201.241
	<u>33.957.998.636</u>	<u>40.417.201.241</u>
b) Dài hạn		
- Doanh thu nhận trước	71.722.979.988	13.047.617.929
	<u>71.722.979.988</u>	<u>13.047.617.929</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2014	2.342.418.670.000	3.323.062.514.020	(157.228.060.975)	179.211.820.775	88.301.438.400	398.932.352.379	6.174.698.734.599
Mua cổ phiếu quỹ trong năm	-	-	(5.186.920.000)	-	-	-	(5.186.920.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	245.709.325.412	245.709.325.412	245.709.325.412
Phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	33.041.999.694	33.041.999.694
Trích quỹ dự trữ bắt buộc	-	-	-	-	18.937.008.040	(18.937.008.040)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(26.245.256.001)	(26.245.256.001)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(225.414.167.000)	(225.414.167.000)
Khác	-	-	-	-	-	(5.372.966.760)	(5.372.966.760)
Tại ngày 01/01/2015	2.342.418.670.000	3.323.062.514.020	(162.414.980.975)	179.211.820.775	107.238.446.440	401.714.279.684	6.191.230.749.944
Thay đổi cổ phiếu quỹ trong năm (i)	-	-	(50.468.120.000)	-	-	-	(50.468.120.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	576.254.236.171	576.254.236.171
Phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	24.265.833.784	24.265.833.784
Trích Quỹ dự trữ bắt buộc	-	-	-	-	14.685.398.038	(14.685.398.038)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (ii)	-	-	-	-	-	(34.263.778.128)	(34.263.778.128)
Chia cổ tức (iii)	-	-	-	-	-	(200.057.622.300)	(200.057.622.300)
Thay đổi do thoái vốn tại Công ty con	-	-	-	-	-	13.128.814.082	13.128.814.082
Khác	-	-	-	-	-	(5.179.226.213)	(5.179.226.213)
Tại ngày 31/12/2015	2.342.418.670.000	3.323.062.514.020	(212.883.100.975)	179.211.820.775	121.923.844.478	761.177.139.042	6.514.910.887.340

(i) Trong năm, Công ty thực hiện mua 2.871.900 cổ phiếu quỹ và bán ra 201.000 cổ phiếu quỹ.

(ii) Công ty tạm trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi tại Công ty Cổ phần PVI cho năm 2015 với số tiền 31.776.888.747 đồng và trích quỹ thưởng ban điều hành từ lợi nhuận sau thuế năm 2014 với số tiền 2.486.889.381 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2015 số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2015.

(iii) Công ty thực hiện chia cổ tức năm 2014 với tỷ lệ 9% theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2015 và Thông báo chốt quyền chia cổ tức số 470/TB-PVI ngày 08 tháng 9 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Vốn góp tại ngày		Vốn góp tại ngày	
	31/12/2015	Tỷ lệ	31/12/2014	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	819.787.400.000	35,00	831.497.400.000	35,50
HDI-Gerling Industrie Versicherung AG (Thuộc tập đoàn Talanx)	745.315.030.000	31,82	745.315.030.000	31,82
Công ty Funderburk Lighthouse Limited	271.178.950.000	11,58	271.178.950.000	11,58
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	145.932.430.000	6,23	145.932.430.000	6,22
Cổ đông khác	360.204.860.000	15,37	348.494.860.000	14,88
	2.342.418.670.000	100	2.342.418.670.000	100

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	2.342.418.670.000	2.342.418.670.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	2.342.418.670.000	2.342.418.670.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(200.057.622.300)	(225.414.167.000)

Cổ phiếu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	234.241.867	234.241.867
Cổ phiếu phổ thông	234.241.867	234.241.867
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	234.241.867	234.241.867
Cổ phiếu phổ thông	234.241.867	234.241.867
Số lượng cổ phiếu được mua lại	11.754.600	9.083.700
Cổ phiếu phổ thông	11.754.600	9.083.700
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	222.487.267	225.158.167
Cổ phiếu phổ thông	222.487.267	225.158.167

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Đơn vị	31/12/2015	31/12/2014
1. Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh trách nhiệm	VND	1.751.605.945.230	1.782.757.796.994
2. Phải thu đòi người thứ ba	VND	41.167.292.223	45.523.584.792
3. Nợ khó đòi đã xử lý	VND	12.355.905.191	12.355.905.191
4. Ngoại tệ các loại			
+ Đô la Mỹ	USD	9.897.452,58	21.598.605,77
+ Đồng tiền chung Châu Âu	EUR	1.173.949,81	43.657,76
+ Yên Nhật	JPY	605.856,00	33.102.699,00

25. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài Việt Nam.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 4 bộ phận hoạt động: bộ phận hoạt động đầu tư, bộ phận kinh doanh bảo hiểm gốc phi nhân thọ, bộ phận kinh doanh tái bảo hiểm phi nhân thọ và bộ phận kinh doanh bảo hiểm nhân thọ. Công ty lập báo cáo bộ phận theo bốn bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của bốn bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận hoạt động đầu tư: chủ yếu là các khoản tiền gửi có kỳ hạn, mua trái phiếu, cổ phiếu, ủy thác đầu tư và hợp tác đầu tư;

Bộ phận kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ: khai thác các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ;

Bộ phận kinh doanh tái bảo hiểm: hoạt động kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm;

Bộ phận kinh doanh bảo hiểm nhân thọ: khai thác các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ.

Công ty trình bày báo cáo kết quả kinh doanh của bộ phận kinh doanh bảo hiểm nhân thọ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đến thời điểm Công ty thoái một phần vốn khỏi PVI Sun Life để chuyển thành công ty liên kết. Bảng cân đối kế toán của bộ phận kinh doanh bảo hiểm nhân thọ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 không được trình bày do PVI Sun Life không còn là công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

Tòa nhà PVI, Số 01 Phạm Văn Bạch, Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MÃU SỐ B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. BÁO CÁO BỘ PHẬN (Tiếp theo)

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015:

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Bảo hiểm			Loại trừ	Tổng cộng
	Bộ phận kinh doanh bảo hiểm gốc phi nhân thọ	Bộ phận kinh doanh tái bảo hiểm	Bộ phận kinh doanh bảo hiểm nhân thọ		
Tài sản bộ phận	899.193.056.823	6.065.058.901.580	-	(4.881.349.927.865)	15.495.249.815.360
Nợ phải trả bộ phận	5.584.699.601.608	4.159.075.049.966	-	(1.882.680.219.380)	8.761.286.443.885

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015:

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Bảo hiểm			Loại trừ	Tổng cộng
	Bộ phận kinh doanh bảo hiểm gốc phi nhân thọ	Bộ phận kinh doanh tái bảo hiểm	Bộ phận kinh doanh bảo hiểm nhân thọ		
Doanh thu thuần theo bộ phận	3.146.023.233.028	1.340.360.325.877	121.283.883.631	(497.372.347.763)	5.727.797.258.227
Bảo hiểm	3.146.023.233.028	1.340.360.325.877	121.283.883.631	(160.373.565.398)	4.447.293.877.138
Đầu tư	-	-	-	(336.998.782.365)	1.280.503.381.089
Chi phí theo bộ phận	3.030.637.341.559	1.209.129.122.283	361.817.547.900	(246.437.298.689)	5.019.340.810.738
Lợi nhuận trước thuế theo bộ phận	115.385.891.469	131.231.203.594	(240.533.664.269)	(250.935.049.074)	708.456.447.489

CÔNG TY CỔ PHẦN PVITòa nhà PVI, Số 01 Phạm Văn Bạch, Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**MẪU SỐ B 09-DN/HN****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. BÁO CÁO BỘ PHẬN (Tiếp theo)**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014:**

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Bảo hiểm		Bộ phận kinh doanh bảo hiểm nhân thọ	Bộ phận kinh doanh bảo hiểm nhân thọ	Bộ phận hoạt động đầu tư	Loại trừ	Tổng cộng
	Bộ phận kinh doanh bảo hiểm gốc phi nhân thọ	Bộ phận kinh doanh tái bảo hiểm					
Tài sản bộ phận	1.313.435.124.863	7.687.833.924.239	333.407.872.199	13.960.053.499.412	(4.964.312.009.806)	18.330.418.410.907	
Nợ phải trả bộ phận	6.968.647.012.208	4.269.995.314.723	1.204.938.616.521	866.301.399.236	(1.866.960.678.872)	11.442.921.663.816	

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014:

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Bảo hiểm		Bộ phận kinh doanh bảo hiểm nhân thọ	Bộ phận kinh doanh bảo hiểm nhân thọ	Bộ phận hoạt động đầu tư	Loại trừ	Tổng cộng
	Bộ phận kinh doanh bảo hiểm gốc phi nhân thọ	Bộ phận kinh doanh tái bảo hiểm					
Doanh thu thuần theo bộ phận	2.370.547.829.241	947.236.526.878	21.956.951.463	1.155.738.098.444	(537.772.676.223)	3.957.706.729.803	
Bảo hiểm	2.370.547.829.241	947.236.526.878	21.956.951.463	-	(143.173.766.020)	3.196.567.541.562	
Đầu tư	-	-	-	1.155.738.098.444	(394.598.910.203)	761.139.188.241	
Chi phí theo bộ phận	2.082.559.171.983	1.012.567.652.066	282.985.698.573	468.359.598.368	(249.910.956.387)	3.596.561.164.602	
Lợi nhuận trước thuế theo bộ phận	287.988.657.258	(65.331.125.188)	(261.028.747.110)	687.378.500.076	(287.861.719.836)	361.145.565.201	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

a) Doanh thu

	2015	2014
	VND	VND
Thu phí bảo hiểm gốc	7.248.012.886.489	5.986.730.658.480
Thu phí nhận tái bảo hiểm	943.544.146.744	1.046.307.655.135
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	426.253.202.215	171.548.786.730
Thu khác từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	22.655.580.703	38.108.645.779
Doanh thu kinh doanh phi bảo hiểm	99.358.569.087	69.823.827.071
	8.739.824.385.238	7.312.519.573.195

b) Doanh thu đối với các bên liên quan

	2015	2014
	VND	VND
Cơ quan Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	19.763.484.461	16.104.806.740
Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.455.933.411.637	1.532.716.766.066

27. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	2015	2014
	VND	VND
Phí nhượng tái bảo hiểm	3.562.955.063.556	3.269.825.868.981
Tăng dự phòng phí	(59.385.954.396)	533.159.492.099
Tăng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ	688.876.193.792	243.142.843.482
	4.192.445.302.952	4.046.128.204.562

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2015	2014
	VND	VND
Chi bồi thường bảo hiểm gốc	2.726.174.358.563	1.735.734.296.236
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	1.238.749.543.200	496.176.110.705
Các khoản giảm trừ:	(2.078.012.019.154)	(1.015.642.443.504)
- Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(2.063.377.945.656)	(1.008.259.716.875)
- Thu đòi người thứ ba bồi hoàn	(11.478.649.085)	(3.573.100.957)
- Thu hàng đã xử lý bồi thường 100%	(3.155.424.413)	(3.809.625.672)
Chi bồi thường từ quỹ dự phòng dao động lớn	(122.738.115.271)	(98.645.311.559)
Tăng dự phòng bồi thường	93.373.580.760	143.841.230.808
Số trích dự phòng dao động lớn trong năm	124.209.503.626	99.502.460.531
Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	1.855.994.835.773	1.312.512.733.696
- Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc	118.614.571.239	61.583.802.301
- Chi khác hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm	309.200.357.626	133.340.802.892
- Chi khác hoạt động nhượng tái bảo hiểm	95.448.340.470	36.120.314.710
- Chi hoạt động kinh doanh bảo hiểm khác	1.332.731.566.438	1.081.467.813.793
Giá vốn dịch vụ kinh doanh phi bảo hiểm	84.661.950.964	72.734.613.486
	3.922.413.638.461	2.746.213.690.399

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí nhân viên	272.637.233.939	236.601.429.132
Chi phí văn phòng	76.375.481.997	52.540.248.808
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	66.622.481.453	59.324.545.381
Thuế, phí và lệ phí	36.541.208.352	38.622.529.952
Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng	(33.174.410.453)	7.690.451.005
Chi phí dịch vụ mua ngoài	161.885.945.463	158.578.929.051
Chi phí khác bằng tiền	84.521.816.579	66.055.146.483
	665.409.757.330	619.413.279.812

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	3.780.627.595.622	2.673.479.076.913
Chi phí nguyên vật liệu	77.337.770.644	66.668.204.365
Chi phí nhân công	324.639.703.203	260.670.381.989
Chi phí khấu hao tài sản cố định	115.046.393.080	99.265.086.591
Chi phí dịch vụ mua ngoài	174.647.705.911	194.756.492.121
Chi phí khác	128.233.317.640	123.315.644.924
	4.600.532.486.100	3.418.154.886.903

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

31. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	443.785.161.887	486.370.117.829
Lãi đầu tư trái phiếu	106.575.228.207	54.956.496.569
Lãi kinh doanh cổ phiếu	94.411.500	13.517.504.460
Lãi kinh doanh ủy thác đầu tư	-	20.330.413.314
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.299.834.237	2.699.552.500
Lãi chênh lệch tỷ giá	116.099.564.765	65.243.293.302
Lãi từ chuyển nhượng cổ phần, vốn góp	509.690.751.788	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	440.585.455	56.572.124.960
	<u>1.180.985.537.839</u>	<u>699.689.502.934</u>

32. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Chi phí hoạt động kinh doanh cổ phiếu	244.536.590	8.269.910.698
Lỗ chênh lệch tỷ giá	85.352.826.050	58.466.145.527
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư	166.420.172.154	26.250.559.129
Chi phí lãi vay	34.575.410.000	41.930.299.838
Chi phí tài chính khác	75.091.287.969	48.157.452.337
	<u>361.684.232.763</u>	<u>183.074.367.529</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	708.456.447.489	361.145.565.201
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(51.743.407.032)	(47.862.161.812)
- Lãi CLTG do đánh giá lại các khoản tiền và phải thu	(36.493.221.396)	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(2.233.734.237)	(2.699.552.500)
- Hoàn nhập dự phòng công ty con	-	(41.760.501.276)
- Dự phòng đầu tư tài chính đã loại ở năm trước được trừ ở năm nay	(4.000.000.000)	-
- Thu nhập không chịu thuế khác	(9.016.451.399)	(3.402.108.036)
Trừ: Chuyển lỗ các năm trước	(97.763.941.026)	-
Cộng:	41.970.042.925	211.426.777.468
- (Lãi)/lỗ thuần đầu tư vào công ty liên kết	(44.929.837.907)	3.628.432.434
- Thù lao Hội đồng Quản trị	684.000.000	334.000.000
- Khấu hao xe ô tô có nguyên giá trên 1,6 tỷ đồng	1.092.908.000	1.024.644.403
- Chi phí mua bảo hiểm hưu trí	6.731.500.000	3.417.000.000
- Lỗ tính thuế tại Công ty mẹ và các công ty con	73.391.759.055	202.386.026.246
- Chi phí không được khấu trừ khác	4.999.713.777	636.674.385
Thu nhập chịu thuế	600.919.142.356	524.710.180.857
Thuế suất thông thường	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	132.202.211.318	115.436.239.789

1001
CÔI
CƠ MI
TEL
HIỆ
1/6 Đ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Đơn vị</u>	<u>2015</u>	<u>2014</u>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	VND	600.520.069.955	278.751.325.106
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính	VND	(31.776.888.747)	(28.732.145.382)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	568.743.181.208	250.019.179.724
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	Cổ phiếu	223.184.416	225.356.670
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	2.548	1.109

Điều chỉnh lại lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu

Trong năm, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất dẫn đến việc điều chỉnh hồi tố lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 do ảnh hưởng của việc loại trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

	<u>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</u>	<u>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Theo báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	278.751.325.106	1.237
Ảnh hưởng của số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(28.732.145.382)	(127)
Số đã điều chỉnh lại cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	250.019.179.724	1.109

Không có công cụ có thể tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu trong tương lai.

2500

G T Y

PH H C

H T T

NAI

TP.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Các khoản vay	320.000.000.000	530.000.000.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	758.738.988.078	793.824.511.746
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	6.733.963.371.475	6.887.496.747.091
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	758.738.988.078	758.738.988.078	793.824.511.746	793.824.511.746
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.543.248.372.189	5.543.248.372.189	6.823.596.610.817	6.823.596.610.817
Đầu tư ngắn hạn	5.833.067.587.118	5.833.645.209.744	6.025.249.056.704	6.037.533.406.704
Đầu tư dài hạn	734.158.465.631	791.235.830.191	2.225.591.203.364	2.261.400.267.511
Tổng cộng	12.869.213.413.016	12.926.868.400.203	15.868.261.382.631	15.916.354.796.778
Công nợ tài chính				
Phải trả người bán và phải trả khác	1.712.436.114.751	1.712.436.114.751	1.681.466.667.124	1.681.466.667.124
Dự phòng bồi thường và chi phí phải trả	3.223.776.790.800	3.223.776.790.800	4.488.490.726.377	4.488.490.726.377
Các khoản vay	320.000.000.000	320.000.000.000	530.000.000.000	530.000.000.000
Tổng cộng	5.256.212.905.551	5.256.212.905.551	6.699.957.393.501	6.699.957.393.501

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định như trình bày tại Thuyết minh số 6.

- Giá trị hợp lý của các khoản mục ngắn hạn gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả ngắn hạn và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ hạn ngắn.

- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không có đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro bảo hiểm.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

Tên ngoại tệ	Ký hiệu	Tài sản (VND tương đương)		Công nợ (VND tương đương)	
		31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
Đô la Mỹ	USD	957.438.919.426	1.164.035.801.710	974.640.610.567	919.462.922.386
Won Hàn Quốc	KRW	58.894.361.834	73.523.744.494	78.718.382.215	83.371.150.725
Euro	EUR	45.277.148.254	27.979.637.024	32.473.210.237	26.265.269.835
Ringít Malaysia	MYR	4.778.054.747	2.829.573.147	7.290.671.733	2.590.584.518
Rúp Nga	RUB	199.577.569	217.154.036	5.616.082.222	2.988.487.663
Khác		32.407.898.983	29.968.494.147	43.268.862.235	17.216.964.498

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Tỷ lệ thay đổi 2% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá của Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng 344.033.823 đồng.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm/tăng là khoảng 6,4 tỷ đồng (năm 2014 là khoảng 10,6 tỷ đồng).

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu mà Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào công ty con không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được nắm giữ trong dài hạn và sẽ chuyển nhượng khi có điều kiện thuận lợi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ các khoản ủy thác đầu tư và hợp tác đầu tư. Rủi ro tín dụng đã được Ban Tổng Giám đốc đánh giá một cách thận trọng như trình bày tại Thuyết minh số 6 và số 10.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND	VND
31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	758.887.738.078	-	-	758.887.738.078
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.523.193.695.968	20.054.676.221	-	5.543.248.372.189
Đầu tư ngắn hạn	6.041.619.329.402	-	-	6.041.619.329.402
Đầu tư dài hạn	96.947.624.645	359.082.999.999	368.180.702.099	824.211.326.743
Tổng cộng	12.420.648.388.093	379.137.676.220	368.180.702.099	13.167.966.766.412
Phải trả người bán và phải trả khác	1.691.797.810.075	20.638.304.676	-	1.712.436.114.751
Dự phòng bồi thường và chi phí phải trả	3.223.776.790.800	-	-	3.223.776.790.800
Các khoản vay	35.336.000.000	268.393.920.000	108.268.680.000	411.998.600.000
Tổng cộng	4.950.910.600.875	289.032.224.676	108.268.680.000	5.348.211.505.551
Chênh lệch thanh khoản thuần	7.469.737.787.218	90.105.451.544	259.912.022.099	7.819.755.260.861

10017
 CÔNG
 TY CỔ PHẦN
 PVI
 HÀ NỘI
 VIỆT
 NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	794.090.983.968	-	-	794.090.983.968
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.790.229.563.033	33.367.047.784	-	6.823.596.610.817
Đầu tư ngắn hạn	6.708.124.141.761	-	-	6.708.124.141.761
Đầu tư dài hạn	2.711.763.534	1.109.411.742.538	1.483.292.513.234	2.595.416.019.306
Tổng cộng	14.295.156.452.296	1.142.778.790.322	1.483.292.513.234	16.921.227.755.852
Phải trả người bán và phải trả khác	1.668.668.742.782	12.797.924.342	-	1.681.466.667.124
Dự phòng bồi thường và chi phí phải trả	4.488.490.726.377	-	-	4.488.490.726.377
Các khoản vay	44.000.000.000	623.482.834.000	-	667.482.834.000
Tổng cộng	6.201.159.469.159	636.280.758.342	-	6.837.440.227.501
Chênh lệch thanh khoản thuần	8.093.996.983.137	506.498.031.980	1.483.292.513.234	10.083.787.528.351

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Rủi ro bảo hiểm

Rủi ro bảo hiểm tồn tại tại các công ty con của Công ty thực hiện hoạt động kinh doanh bảo hiểm bao gồm Tổng Công ty Bảo hiểm PVI và Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI. Rủi ro của bất kỳ hợp đồng bảo hiểm nào là khả năng xảy ra sự kiện bảo hiểm và tính không chắc chắn của số tiền bồi thường bảo hiểm theo hợp đồng. Bản chất của hợp đồng bảo hiểm là rủi ro xảy ra sự kiện bảo hiểm ngẫu nhiên và do đó không thể dự đoán trước được.

Để đạt được mục tiêu quản lý rủi ro bảo hiểm, các đơn vị đã thiết lập và áp dụng đầy đủ các quy trình đánh giá rủi ro trước khi chấp nhận bảo hiểm, quy trình chuyển giao rủi ro bảo hiểm (tái bảo hiểm), quy trình giám định tổn thất và quy trình giải quyết bồi thường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	Công ty liên kết
Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Cùng chủ sở hữu

Giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 26.

Các giao dịch khác với các bên liên quan trong năm như sau:

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam		
Chi phí quản lý	6.922.082.644	6.531.838.602

Số dư phải thu, phải trả là các bên liên quan được trình bày tương ứng tại Thuyết minh số 7 và số 16.

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc Công ty được hưởng trong năm là 4.390.513.436 đồng (năm 2014 là 3.977.118.682 đồng).

37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/IT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo đó, một số chỉ tiêu đầu năm trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất đã được phân loại lại cho phù hợp với quy định của Thông tư số 200 và Thông tư số 202. Cụ thể:

CH
HAN
E
HAN

CÔNG TY CỔ PHẦN PVI
Tòa nhà PVI, Số 01 Phạm Văn Bạch, Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
MẪU SỐ B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)


Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

37. SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)

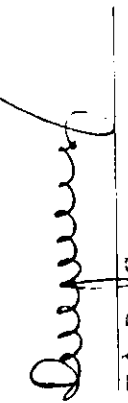
Theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC		Theo TT 200/2014/TT-BTC		Thay đổi	
Tên chi tiêu	Mã số	31/12/2014	Tên chi tiêu	Mã số	31/12/2014
I. Tài sản					
1. Các khoản tương đương tiền	112	1.267.380.000.000	1. Các khoản tương đương tiền	112	80.000.000.000
2. Đầu tư ngắn hạn	121	4.337.857.396.490	2. Chứng khoán kinh doanh	121	129.616.443.765
3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	(213.529.969.597)	3. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	(40.202.387.061)
<i>Không có chi tiêu tương ứng</i>			4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.935.835.000.000
4. Phải thu khách hàng	131	6.809.399.005.259	5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6.809.399.005.259
5. Các khoản phải thu khác	135	59.142.102.469	6. Phải thu ngắn hạn khác	136	561.386.099.813
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	(206.640.033.896)	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(550.074.977.233)
7. Tài sản ngắn hạn khác	158	32.350.683.818	8. Tài sản ngắn hạn khác	155	-
8. Tài sản dài hạn khác	268	33.367.047.784	9. Phải thu dài hạn khác	216	33.367.047.784
9. Đầu tư dài hạn khác	258	3.266.602.241.269	10. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	575.200.276.773
10. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	(201.011.037.905)	11. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(30.903.677.104)
<i>Không có chi tiêu tương ứng</i>			12. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	1.681.294.603.695

II. Nguồn vốn

1. Phải trả người bán	312	1.581.334.210.913	1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	1.581.334.210.913
2. Chi phí phải trả	316	40.983.957.120	2. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	40.983.957.120
3. Doanh thu chưa thực hiện	338	37.456.850.050	3. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	40.417.201.241
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	87.334.531.869	4. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	13.047.617.929
5. Vay và nợ dài hạn	334	530.000.000.000	5. Phải trả ngắn hạn khác	319	87.334.531.869
6. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	2.342.418.670.000	6. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	1.000.000.000.000
7. Lợi ích của cổ đông thiểu số	439	696.265.997.147	7. Vốn góp của chủ sở hữu	411	2.342.418.670.000
			8. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	439	696.265.997.147


Lâm Thị Lan Phương
Người lập biểu

Ngày 16 tháng 02 năm 2016


Trần Duy Cường
Kế toán trưởng

